



# SỔ TAY

HƯỚNG DẪN VÀ HỎI - ĐÁP

XÂY DỰNG

PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

HÀ HỘI, THÁNG 01 NĂM 2025

**Chịu trách nhiệm nội dung:**

TS. Đoàn Hoài Nam, Phó cục trưởng - Cục Lâm nghiệp

TS. Vũ Thành Nam, Trưởng phòng Sử dụng rừng

Ths. Phạm Văn Hạnh, Phó trưởng Phòng Sử dụng rừng

**Biên soạn:** Ths. Nguyễn Văn Thi

**Ảnh:** Nguyễn Văn Thi; Trần Lê Trà và các tác giả

*Sổ tay được xây dựng với sự hỗ trợ của:*



*Dự án "Nhân rộng quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng ở Việt Nam" do Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) tài trợ thông qua Quỹ Khí hậu Công nghệ Đức (DKTI), Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp (MBFP) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD) và Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) phối hợp thực hiện.*

*Phối hợp với*



*Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Pha 2)*



*Hợp phần Quản lý rừng bền vững thuộc Dự án Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học*



*Ban quản lý các Dự án Lâm nghiệp*

# MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
<b>DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ, HÌNH ẢNH</b> .....	<b>5</b>
DANH MỤC BẢNG .....	5
<b>LỜI NÓI ĐẦU</b> .....	<b>6</b>
PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG .....	<b>8</b>
MỤC TIÊU .....	8
ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG .....	8
NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG .....	8
<b>PHẦN II: HƯỚNG DẪN VÀ HỎI – ĐÁP VỀ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG</b> .....	<b>10</b>
<b>I. KHÁI QUÁT TRÌNH TỰ XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QLRBV</b> .....	<b>10</b>
1.1. KHÁI QUÁT CÁC BƯỚC XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV .....	10
1.2. KHÁI QUÁT NỘI DUNG CHÍNH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV .....	11
1.3. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV PHÙ HỢP VỚI ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC TIÊU QUẢN LÝ .....	12
1.4. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC PHÊ DUYỆT HOẶC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QLRBV CỦA CÁC CHỦ RỪNG .....	14
<b>II. HỎI ĐÁP VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG</b> .....	<b>18</b>
2.1. CÁC VẤN ĐỀ CHỦ RỪNG THƯỜNG HỎI KHI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV ..	18
2.2. GIẢI ĐÁP VÀ HƯỚNG DẪN CÁC VẤN ĐỀ CHỦ RỪNG THƯỜNG HỎI KHI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV .....	19
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>45</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
DLST	Du lịch sinh thái
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐKTN	Điều kiện tự nhiên
KTXH	Kinh tế xã hội
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
NĐ 156	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
NĐ 58	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP một số chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp
NGO	Tổ chức phi chính phủ
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
QĐ	Quyết định
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
CLN	Cục Lâm nghiệp
ToR	Điều khoản tham chiếu
TT 28	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT quy định phương án quản lý rừng bền vững
TT 13	Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 28
TT22	Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT Quy định một số nội dung về lâm nghiệp thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025
TT 24	Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp (Điều 3)
TĐMT	Tác động môi trường
TĐXH	Tác động xã hội
UBND	Ủy ban nhân dân

## DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ, HÌNH ẢNH

Sơ đồ 1: Các bước xây dựng phương án quản lý rừng bền vững .....	10
Sơ đồ 2: Khái quát nội dung chính xây dựng phương án QLRBV .....	11
Sơ đồ 3: Trình tự phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án QLRBV của chủ rừng là tổ chức trực thuộc các Bộ, Ngành.....	14
Sơ đồ 4: Trình tự phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức kinh tế tự bỏ vốn đầu tư trồng rừng sản xuất.....	15
Sơ đồ 5: Trình tự phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái .....	16
Sơ đồ 6: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức không thuộc Bộ, ngành và tổ chức kinh tế tự bỏ vốn đầu tư .....	17
Sơ đồ 7: Cấu trúc, quy mô nhóm cơ bản .....	41
Sơ đồ 8: Cấu trúc nhóm hỗn hợp quy mô vừa .....	42
Sơ đồ 9: Cấu trúc nhóm hỗn hợp quy mô lớn .....	42

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Xác định nội dung xây dựng phương án quản lý rừng bền vững phù hợp với đối tượng và mục tiêu quản lý .....	12
Bảng 2: Các vấn đề thường hỏi.....	18
Bảng 3: Phương pháp đánh giá ĐTM từ các hoạt động lâm nghiệp.....	27
Bảng 4: Phương pháp đánh giá TĐXH từ hoạt động quản lý rừng.....	30
Bảng 5: Tỷ lệ bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ phân vùng chức năng rừng .....	39
Bảng 6: Tỷ lệ bản đồ hiện trạng sử dụng đất .....	39

## LỜI NÓI ĐẦU

**N**hằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội – môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học cho các chủ rừng, Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT được Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành ngày 16/11/2018 quy định về quản lý rừng bền vững (Thông tư 28) để hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, chủ rừng thực hiện Điều 27 và Điều 28 Luật Lâm nghiệp năm 2017. Thông tư 28 được áp dụng đối với các tổ chức, chủ rừng theo quy định tại Điều 8 của Luật Lâm nghiệp có hoạt động liên quan đến xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, quy định các tiêu chí quản lý rừng bền vững và chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Sau thời gian triển khai thực hiện Thông tư 28, đến năm 2023, được sự hỗ trợ của các Dự án SFM (GIZ) và VFBC (DAI) và BQL các dự án lâm nghiệp thực hiện, Cục Lâm nghiệp đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 (Thông tư 13) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28. Đồng thời, năm 2024 sửa đổi tên Điều 11 Thông tư 28 tại Điều 3 của Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về sửa đổi, bổ sung các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 13). Theo đó, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định số 178/QĐ-BNN-LN ngày 08/01/2024, Quyết định số 4626/QĐ-BNN-LN ngày 23/12/2024 về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ NN&PTNT và các văn bản hợp nhất Thông tư quy định về quản lý rừng bền vững.

Để truyền tải kịp thời, chính xác, thiết thực, nâng cao nhận thức sâu rộng nội dung, điểm mới của Thông tư 24, Thông tư 13 và Thông tư 28, Cục Lâm nghiệp ban hành “Sổ tay Hướng dẫn và Hỏi đáp về xây dựng Phương án Quản lý rừng bền vững” nhằm giúp cho các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác ... thực hiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững đạt hiệu quả, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm.

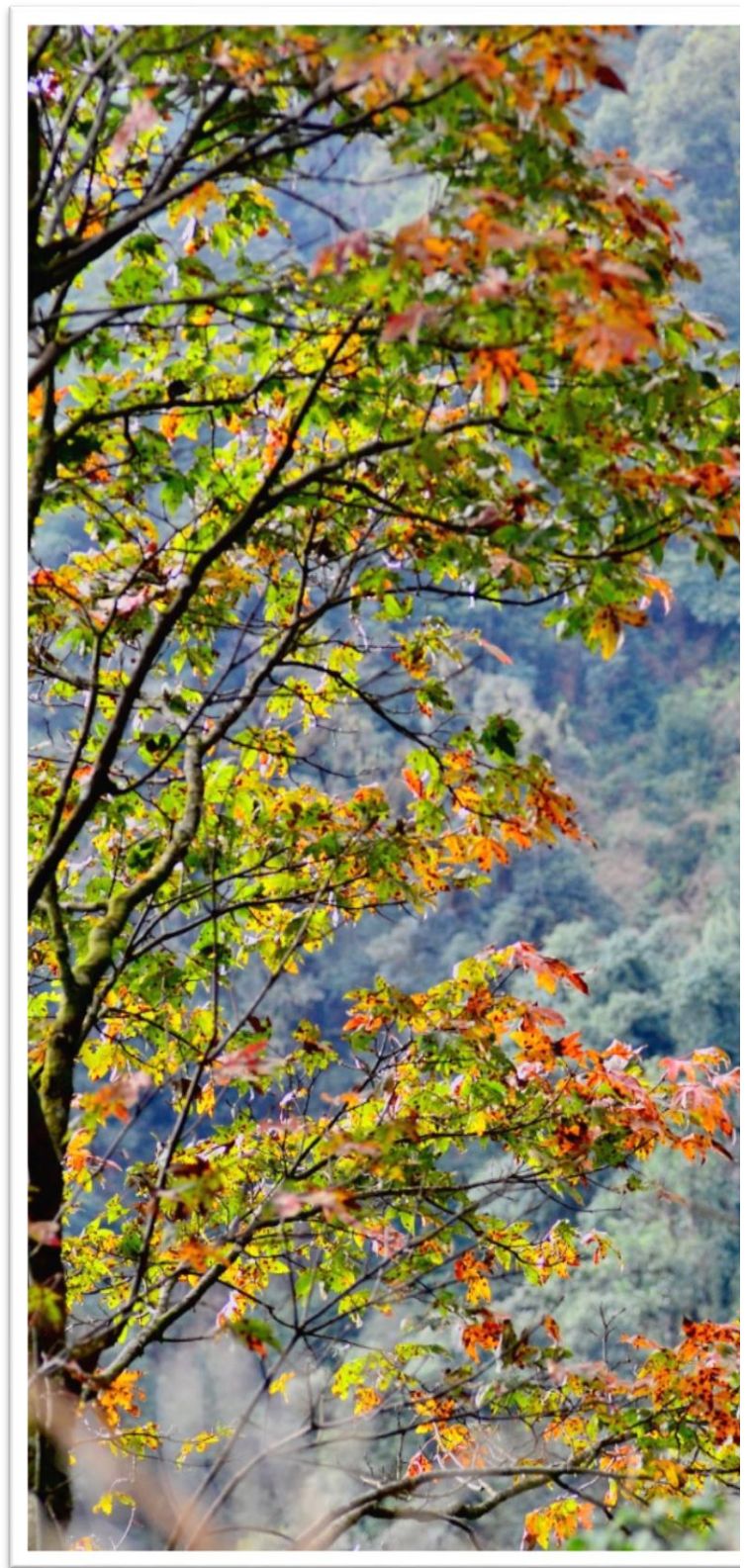
Sổ tay được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của Dự án "Nhân rộng quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng ở Việt Nam (SFM)" do Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) tài trợ thông qua Quỹ Khí hậu Công nghệ Đức (DKTI), Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp (MBFP) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) và các Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Pha 2) của JICA, Hợp phần Quản lý rừng bền vững - Dự án Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn Đa dạng sinh học của USAID. Mặc dù hết sức cố gắng, nhưng việc biên soạn cuốn sổ tay chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Ban biên soạn xin cảm ơn và trân trọng tiếp thu mọi ý kiến góp ý của các nhà khoa học, quản lý, cơ quan, tổ chức và độc giả để cuốn sổ tay này được hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến xin gửi về: Phòng Sử dụng rừng – Cục Lâm nghiệp – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

# PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

1. MỤC TIÊU CỦA TÀI LIỆU
2. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG
3. NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG

Rừng Mộc Châu mùa thay lá.  
Ảnh: Cintapo (DAI)



# PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

## MỤC TIÊU

- **Mục tiêu chung:** Cung cấp cho các chủ rừng các quy định về xây dựng PAQLRBV theo Thông tư 28, Thông tư 13 và Thông tư 24. Đồng thời giải đáp, hướng dẫn các chủ rừng xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện phương án QLRBV, bảo đảm phù hợp với thực tiễn quản lý, sản xuất tại các địa phương.
- **Mục tiêu cụ thể:**
  - Khái quát nội dung phương án QLRBV, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện phương án QLRBV.
  - Hướng dẫn, giải đáp những câu hỏi thường gặp (khó khăn, vướng mắc) trong quá trình xây dựng, thực hiện phương án QLRBV.

## ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Tài liệu này áp dụng đối với các tổ chức có liên quan và các chủ rừng theo quy định tại Điều 8 của Luật Lâm nghiệp như sau:


- **Các tổ chức có hoạt động liên quan đến xây dựng, phê duyệt và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.**
- **Các chủ rừng gồm:**
  - Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ.
  - Tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
  - Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng (sau đây gọi là đơn vị vũ trang).
  - Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp.
  - Hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư (khuyến khích).
  - Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất.

## NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG

Việc xây dựng phương án QLRBV phải tuân thủ theo các quy định tại Thông tư 28, Thông tư 13 và Thông tư 24 (Điều 3). Chủ rừng quản lý các loại rừng khác nhau thì xây dựng phương án QLRBV có nội dung khác nhau. Tuy nhiên, trình tự các bước xây dựng phương án QLRBV là tương tự nhau. Đó đó, việc áp dụng tài liệu này cần chú ý các nguyên tắc sau đây:

- Hướng dẫn mang tính tham khảo, giúp các chủ rừng định hướng giải quyết các vấn đề thường gặp trong quá trình xây dựng và phê duyệt phương án QLRBV. Chủ rừng cần tuân thủ theo các quy định pháp luật liên quan để xây dựng phương án QLRBV phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu quản lý, sử dụng của mỗi loại rừng.
- Chất lượng của phương án QLRBV phụ thuộc nhiều vào kiến thức chuyên môn và năng lực của người xây dựng, hướng dẫn này không cung cấp các kiến thức đó mà cần tham khảo các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật để có kết quả tốt nhất.
- Không áp dụng một cách cứng nhắc các giải đáp trong hướng dẫn này mà cần cân nhắc lựa chọn những giải đáp phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, chủ rừng.





**PHẦN 2:**  
**HƯỚNG DẪN VÀ HỎI ĐÁP**  
**VỀ TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG**  
**ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

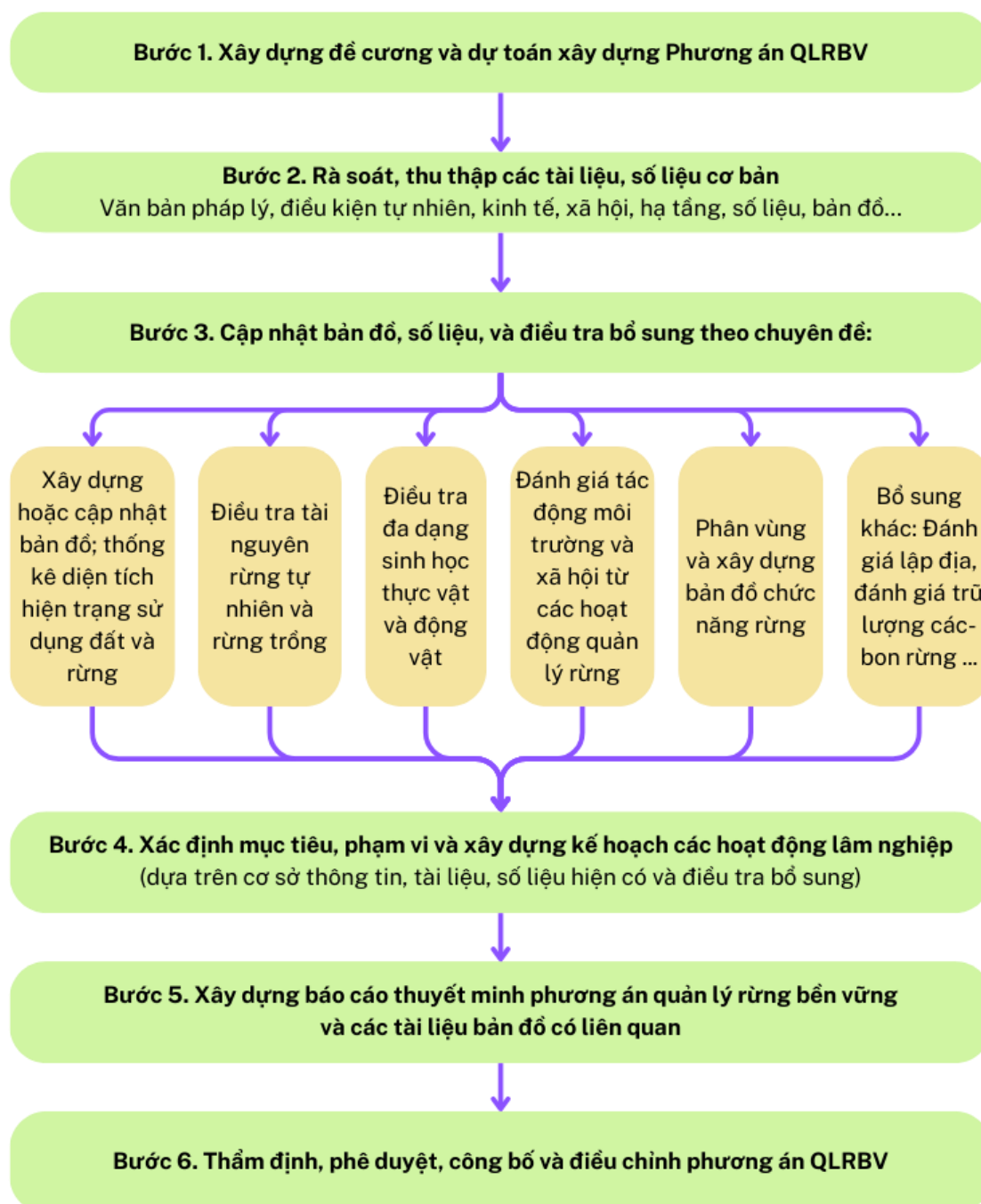
1. KHÁI QUÁT TRÌNH TỰ XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QLRBV
2. HỎI ĐÁP VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

## PHẦN II: HƯỚNG DẪN VÀ HỎI – ĐÁP VỀ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

### I. KHÁI QUÁT TRÌNH TỰ XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QLRBV

#### 1.1. KHÁI QUÁT CÁC BƯỚC XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV

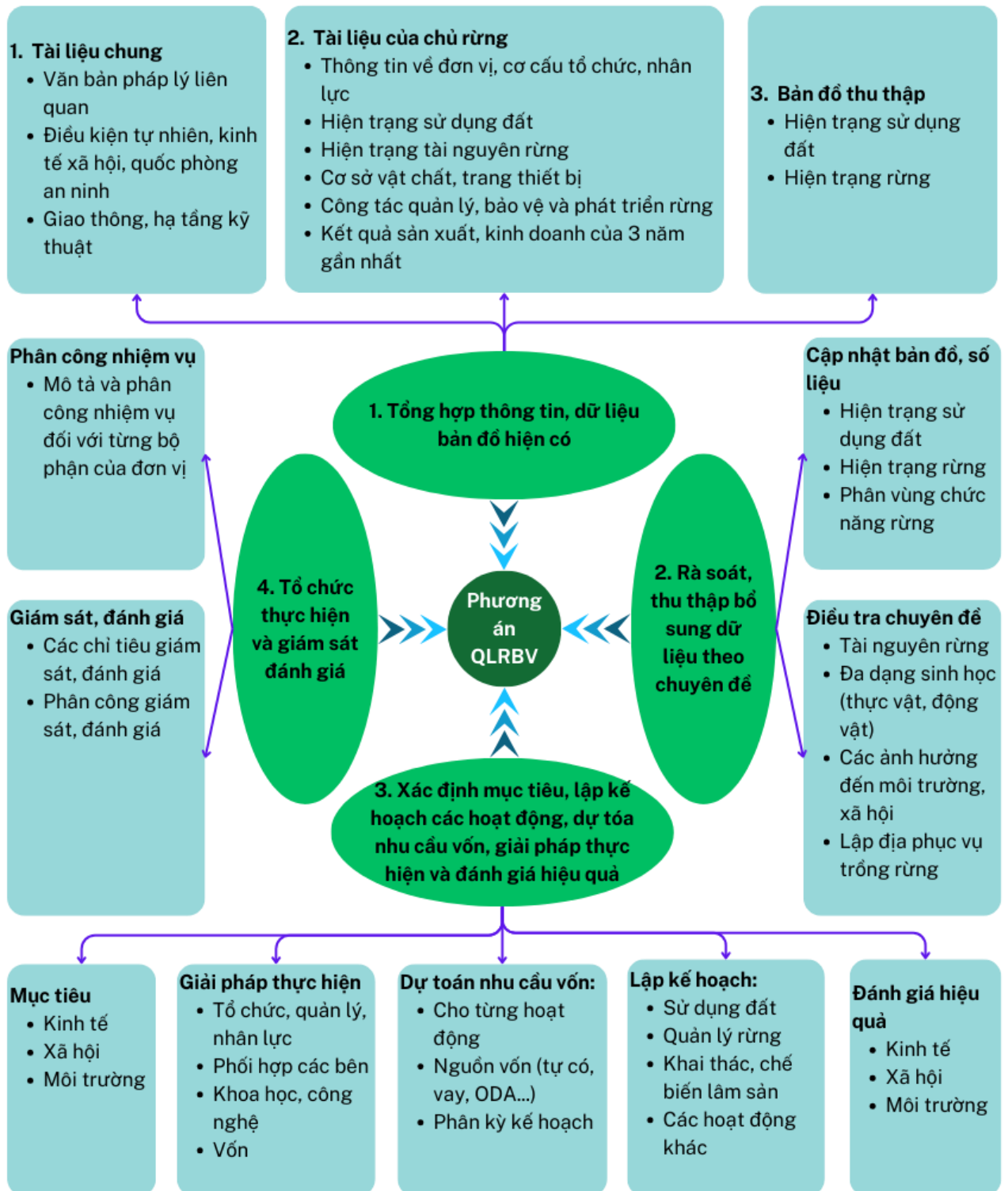
Căn cứ quy định tại Thông tư 28, Thông tư 13, Thông tư 24 khái quát các bước xây dựng, thẩm định, phê duyệt phương án QLRBV gồm 06 bước như **Sơ đồ 1** dưới đây:



Sơ đồ 1: Các bước xây dựng phương án quản lý rừng bền vững

## 1.2. KHÁI QUÁT NỘI DUNG CHÍNH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV

Căn cứ quy định tại Thông tư 28, Thông tư 13 và Thông tư 24, khái quát 04 nội dung chính khi xây dựng phương án QLRBV như **Sơ đồ 2** dưới đây:



Sơ đồ 2: Khái quát nội dung chính xây dựng phương án QLRBV

### 1.3. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV PHÙ HỢP VỚI ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC TIÊU QUẢN LÝ

**Bảng 1: Xác định nội dung xây dựng phương án quản lý rừng bền vững phù hợp với đối tượng và mục tiêu quản lý**

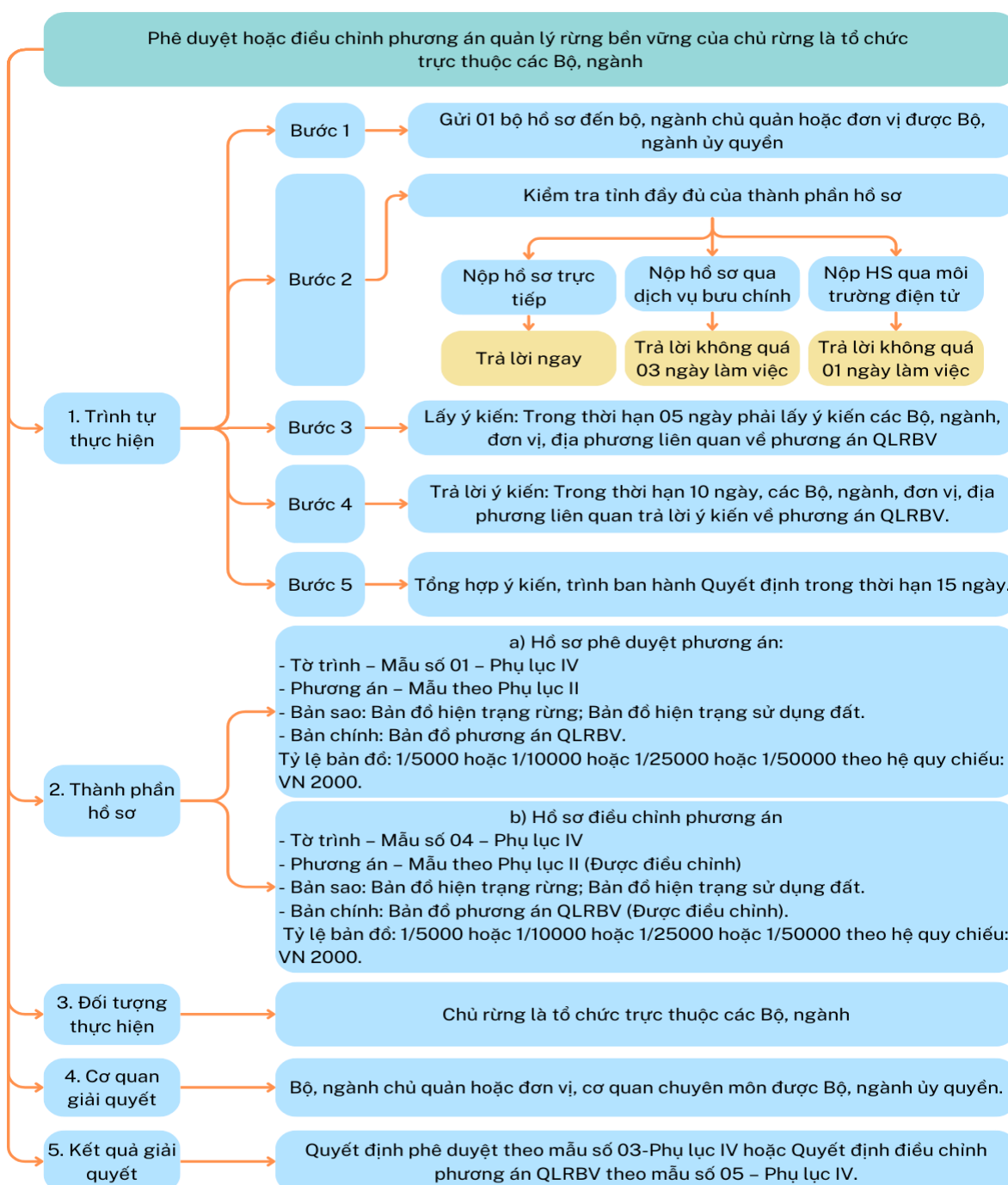
TT	Hoạt động	Đối tượng và mục tiêu quản lý			
		Chủ rừng là tổ chức (Nhóm II)		Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân/nhóm hộ, cộng đồng dân cư (Nhóm I)	
		Rừng không hướng tới cấp chứng chỉ QLRBV	Rừng hướng tới cấp chứng chỉ QLRBV	Rừng không hướng tới cấp chứng chỉ QLRBV	Rừng hướng tới cấp chứng chỉ QLRBV
1	Rà soát, thu thập các tài liệu, số liệu cơ bản	Kế thừa các tài liệu, số liệu thứ cấp có nguồn gốc hợp pháp và còn hiệu lực áp dụng			
2	<b>Điều tra bổ sung số liệu theo các chuyên đề:</b>				
-	Xây dựng hoặc cập nhật bản đồ; thống kê diện tích hiện trạng sử dụng đất và rừng	Kế thừa số liệu, bản đồ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt sẵn có đến thời điểm lập phương án. Trường hợp có thay đổi phải điều tra, thống kê bổ sung.	Kế thừa số liệu, bản đồ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt sẵn có trong thời gian 5 năm đến thời điểm lập phương án; cập nhật hiện trạng rừng trong 2 năm gần nhất.	Kế thừa số liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và rừng được cấp thẩm quyền phê duyệt sẵn có đến thời điểm lập phương án.	Kế thừa số liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và rừng đã có; cập nhật hiện trạng rừng trong khoảng 2 năm gần nhất.
-	Điều tra tài nguyên rừng tự nhiên và rừng trồng	Kế thừa số liệu tài nguyên rừng được cấp thẩm quyền phê duyệt sẵn có đến thời điểm lập phương án. Trường hợp có thay đổi phải điều tra, thống kê bổ sung	Kế thừa số liệu tài nguyên rừng có sẵn trong vòng 2 năm tính đến thời điểm lập phương án. Nếu quá 2 năm phải tiến hành điều tra lại.	Kế thừa số liệu tài nguyên rừng sẵn có đến thời điểm lập phương án.	Kế thừa số liệu tài nguyên rừng có sẵn trong vòng 2 năm tính đến thời điểm lập phương án. Nếu quá 2 năm phải tiến hành điều tra lại.
-	Điều tra đa dạng sinh học thực vật và động vật	Kế thừa số liệu đa dạng sinh học sẵn có từ tài liệu thứ cấp tin cậy đến thời điểm lập phương án	Kế thừa số liệu đa dạng sinh học có sẵn từ tài liệu thứ cấp tin cậy trong vòng 2 năm tính đến thời điểm lập phương án. Nếu quá 2 năm phải tiến hành điều tra lại.	Kế thừa số liệu đa dạng sinh học sẵn có từ tài liệu thứ cấp tin cậy đến thời điểm lập phương án	Kế thừa số liệu đa dạng sinh học có sẵn từ tài liệu thứ cấp tin cậy trong vòng 2 năm tính đến thời điểm lập phương án. Nếu quá 2 năm phải tiến hành điều tra lại.

TT	Hoạt động	Đối tượng và mục tiêu quản lý			
		Chủ rừng là tổ chức (Nhóm II)		Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân/nhóm hộ, cộng đồng dân cư (Nhóm I)	
		Rừng không hướng tới cấp chứng chỉ QLRBV	Rừng hướng tới cấp chứng chỉ QLRBV	Rừng không hướng tới cấp chứng chỉ QLRBV	Rừng hướng tới cấp chứng chỉ QLRBV
-	Đánh giá tác động môi trường và xã hội từ các hoạt động quản lý rừng	Đánh giá tác động của các hoạt động quản lý rừng tới môi trường và xã hội; các giải pháp hạn chế ảnh hưởng tới môi trường, xã hội			
-	Điều tra, đánh giá lập địa và xây dựng bản đồ lập địa phục vụ lập kế hoạch trồng rừng	Khuyến khích áp dụng đối với diện tích trồng rừng			
-	Phân vùng và xây dựng bản đồ chức năng rừng	Kế thừa quy hoạch phân khu chức năng đối với rừng đặc dụng, phân cấp phòng hộ đối với rừng phòng hộ và quy hoạch sử dụng đất đối với rừng sản xuất. Nếu có thay đổi phải cập nhật	Phân vùng chức năng và xây dựng bản đồ chức năng rừng	Khuyến khích áp dụng	Phân vùng chức năng và xây dựng bản đồ chức năng rừng
3	<b>Xây dựng kế hoạch các hoạt động lâm nghiệp</b>	Kế hoạch hoạt động phù hợp với mục tiêu quản lý của từng loại rừng và bộ tiêu chí QLRBV trong Thông tư QLRBV	Kế hoạch hoạt động phù hợp với mục tiêu quản lý, bộ tiêu chí trong Thông tư QLRBV và bộ tiêu chuẩn QLRBV của hệ thống chứng chỉ rừng mà chủ rừng xin cấp chứng chỉ	- Khuyến khích chủ rừng lập kế hoạch hoạt động lâm nghiệp khi không có hoạt động du lịch sinh thái;  - Chủ rừng phải lập kế hoạch hoạt động phù hợp với mục tiêu quản lý khi có hoạt động du lịch sinh thái.	Kế hoạch hoạt động phù hợp với mục tiêu quản lý, bộ tiêu chí trong Thông tư QLRBV và bộ tiêu chuẩn QLRBV của hệ thống chứng chỉ rừng mà chủ rừng xin cấp chứng chỉ
4	<b>Xây dựng báo cáo thuyết minh phương án quản lý rừng bền vững và các tài liệu, bản đồ có liên quan</b>	Thuyết minh, tài liệu và các bản đồ có liên quan theo quy định tại Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT	Thuyết minh, tài liệu và các bản đồ có liên quan theo quy định tại Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT	Thuyết minh, tài liệu và các bản đồ có liên quan theo quy định tại Thông tư số 13/2023	Thuyết minh, tài liệu và các bản đồ có liên quan theo quy định tại Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT

## 1.4. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC PHÊ DUYỆT HOẶC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QLRBV CỦA CÁC CHỦ RỪNG

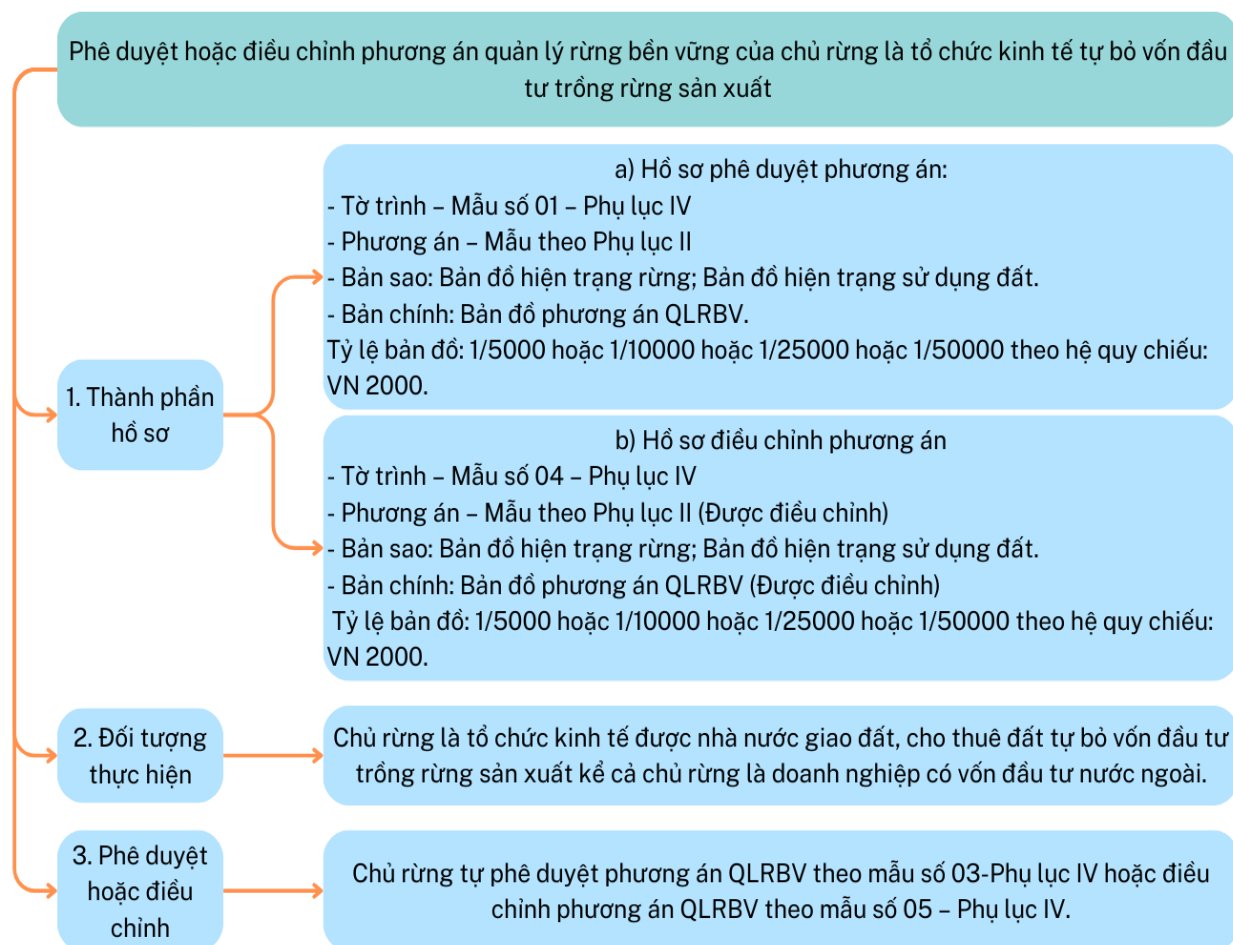
Theo quy định tại Điều 11, 12, 12a và 13 của Thông tư 28 được sửa đổi, bổ sung tương ứng tại khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 1 Thông tư số 13 và tại Điều 3 Thông tư 24, trình tự, thủ tục, thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của các chủ rừng quản lý các loại rừng được phân cấp như sau:

a) Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức trực thuộc các Bộ, ngành (Điều 11) theo **Sơ đồ 3** như sau:

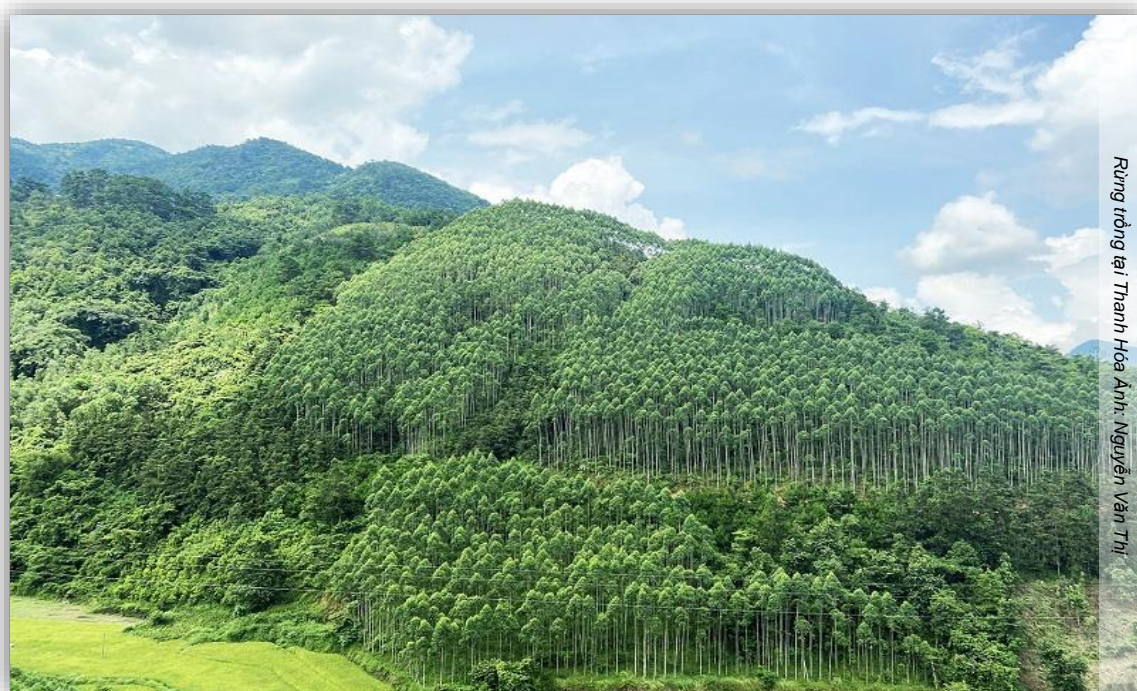


**Sơ đồ 3: Trình tự phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án QLRBV của chủ rừng là tổ chức trực thuộc các Bộ, Ngành**

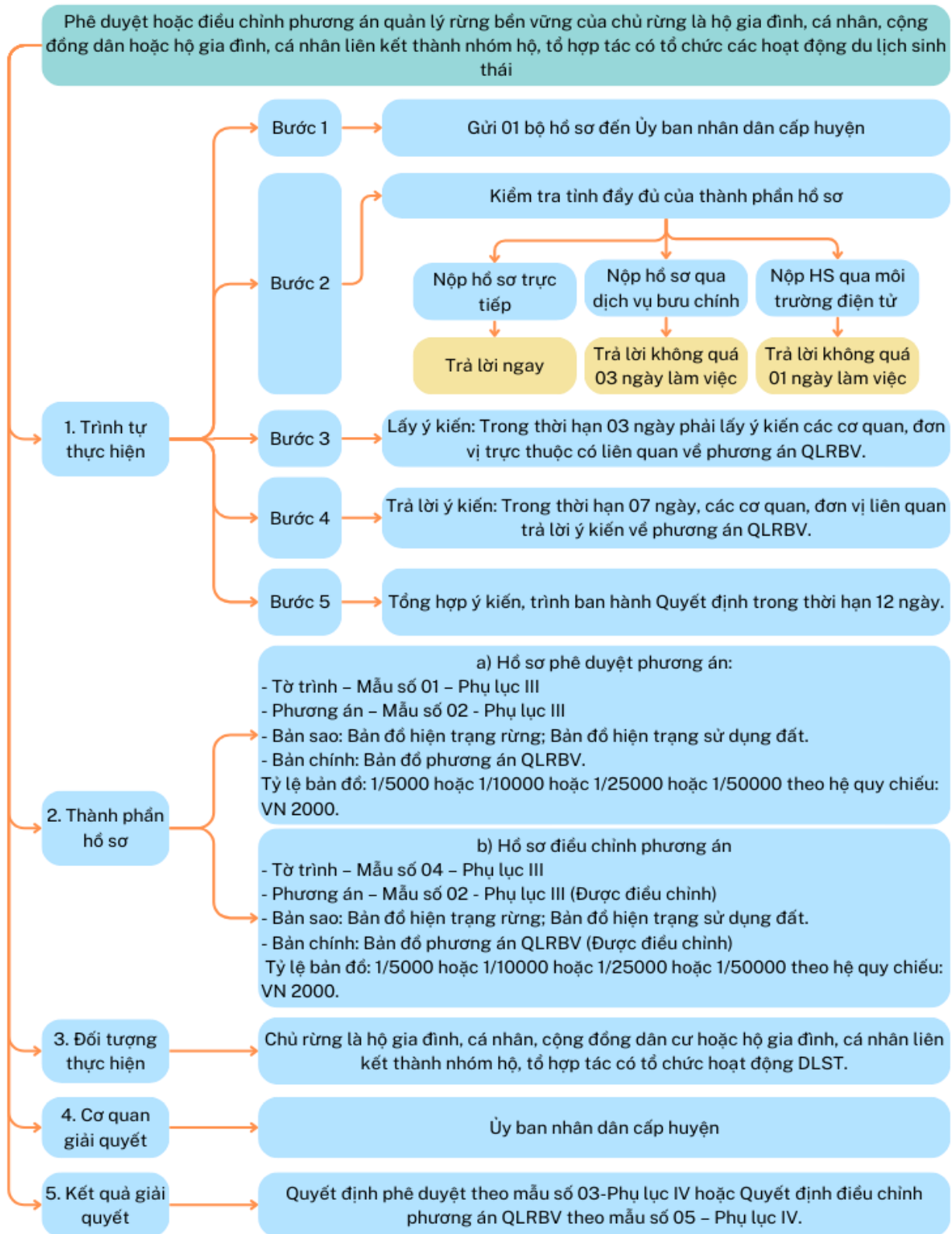
b) Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức kinh tế tự bỏ vốn đầu tư trồng rừng sản xuất (Điều 12) theo **Sơ đồ 4** như sau:



**Sơ đồ 4: Trình tự phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức kinh tế tự bỏ vốn đầu tư trồng rừng sản xuất**



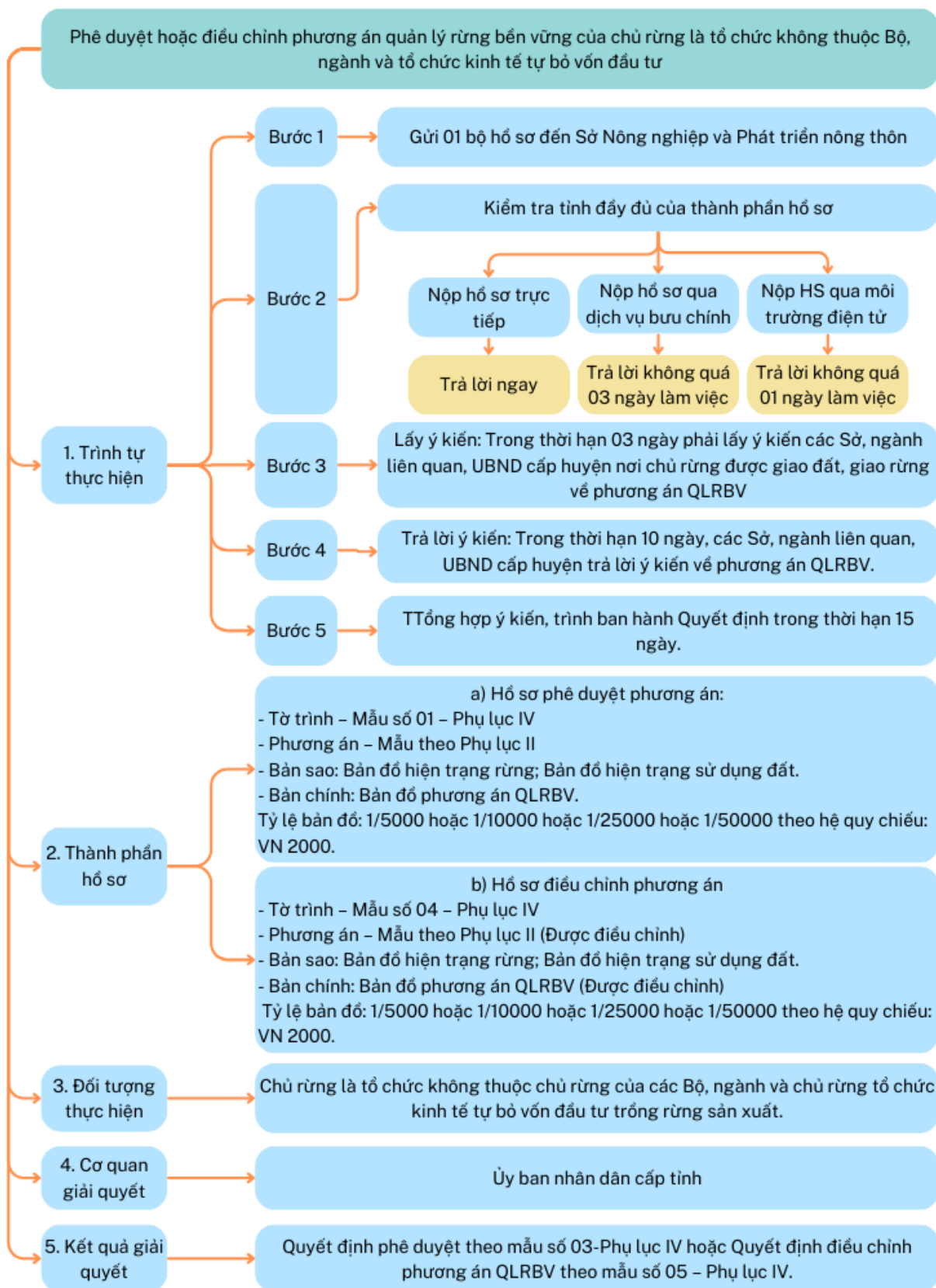
c) Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (Điều 12a) theo **Sơ đồ 5** như sau:



**Sơ đồ 5:** Trình tự phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái



d) Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức, trừ chủ rừng là tổ chức trực thuộc các bộ, ngành và tổ chức kinh tế tự bỏ vốn đầu tư trồng rừng sản xuất (Điều 13 – Chủ rừng thuộc cấp tỉnh/thành phố) theo **Sơ đồ 6** như sau:



**Sơ đồ 6: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức không thuộc Bộ, ngành và tổ chức kinh tế tự bỏ vốn đầu tư**

## II. HỎI ĐÁP VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

### 2.1. CÁC VẤN ĐỀ CHỦ RỪNG THƯỜNG HỎI KHI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV

Mặc dù đã có nhiều văn bản pháp lý quy định và hướng dẫn xây dựng phương án QLRBV và các nội dung liên quan, trong quá trình xây dựng phương án chủ rừng vẫn thường gặp một số khó khăn và đề nghị làm rõ. Các vấn đề và nội dung quan tâm chính được tổng hợp như sau:

**Bảng 2: Các vấn đề thường gặp**

TT	VẤN ĐỀ THƯỜNG GẶP	NỘI DUNG QUAN TÂM
1	Xây dựng, phê duyệt đề cương và dự toán	Trình tự thủ tục xây dựng, phê duyệt đề cương và dự toán; nội dung đề cương, định mức kinh phí xây dựng phương án QLRBV.
2	Thông tin, số liệu và bản đồ xây dựng phương án QLRBV	Nguồn gốc, tính hợp pháp, mức độ cập nhật, cách thức thu thập và cập nhật; phân tích, đánh giá tính đầy đủ của dữ liệu để xác định dữ liệu cần điều tra bổ sung.
3	Điều tra và điều tra bổ sung theo các chuyên đề	Những chuyên đề gì cần thiết phải điều tra, đánh giá bổ sung: Đánh giá ảnh hưởng tới môi trường, xã hội; đa dạng sinh học; xác định các giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan v.v..
4	Xác định và lập kế hoạch các hoạt động trong phương án QLRBV	Căn cứ xác định các hoạt động, quy mô và lập kế hoạch cho các hoạt động trong phương án QLRBV.
5	Sự tham gia của các bên liên quan	Sự tham gia của các bên trong quá trình xây dựng và phê duyệt phương án QLRBV; hình thức và nội dung tham gia.
6	Khái toán nhu cầu kinh phí và nguồn vốn	Căn cứ xây dựng khái toán nhu cầu kinh phí và xác định nguồn vốn cho các hoạt động trong phương án QLRBV.
7	Thẩm định và phê duyệt phương án QLRBV	Trình tự thẩm định, phê duyệt Phương án QLRBV cho các loại chủ rừng khác nhau; hồ sơ trình phê duyệt.
8	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án QLRBV đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Khi nào chủ rừng phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và trình tự, thủ tục thẩm định phê duyệt phương án QLRBV được sửa đổi, bổ sung.
9	Việc lựa chọn sử dụng tỷ lệ bản đồ nào là phù hợp với quy mô diện tích rừng và đất lâm nghiệp của chủ rừng	Cơ sở, căn cứ pháp lý nào quy định việc sử dụng tỷ lệ các loại bản đồ theo quy mô diện tích quản lý rừng của chủ rừng.
10	QLRVB theo Nhóm hộ để cấp CCR	Việc hình thành nhóm hộ quản lý rừng bền vững để cấp chứng chỉ được thực hiện như thế nào.

## 2.2. GIẢI ĐÁP VÀ HƯỚNG DẪN CÁC VẤN ĐỀ CHỦ RỪNG THƯỜNG HỎI KHI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV

### 2.2.1. Xây dựng, phê duyệt đề cương và dự toán phương án QLRBV

Việc xây dựng đề cương và dự toán giúp chủ rừng xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, kế hoạch, kinh phí và nguồn kinh phí để xây dựng phương án QLRBV phù hợp với điều kiện thực tế của chủ rừng tại các địa phương. Mặt khác, phần lớn chủ rừng quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất là các tổ chức nhà nước, do đó việc phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính và quy định của các địa phương. Điều 10 của TT28 quy định chủ rừng xây dựng kế hoạch, đề cương, dự toán xây dựng phương án QLRBV, nhưng nhiều chủ rừng còn lúng túng trong cách thức xây dựng và phê duyệt đề cương và dự toán, dẫn đến mất nhiều thời gian, chất lượng đề cương không cao ảnh hưởng tới chất lượng của phương án QLRBV. Một số



#### CÂU HỎI 1

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV?

A

#### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Chủ rừng thực hiện theo quy định (quy chế làm việc) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan chủ quản), **BAO GỒM CÁC BƯỚC CHỦ YẾU SAU ĐÂY:**

vấn đề chủ rừng thường quan tâm khi xây dựng đề cương và dự toán được giải đáp và hướng dẫn như sau:

**Bước 1. Chủ rừng trình văn bản đồng ý về chủ trương:** Xây dựng văn bản trình cơ quan chủ quản đồng ý về chủ trương xây dựng mới (lần đầu) hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án QLRBV theo quy định của pháp luật về Lâm nghiệp và văn bản chỉ đạo, đôn đốc của Bộ NN&PTNT.

**Bước 2. Xây dựng đề cương và dự toán:** Chủ rừng có thể tự xây dựng đề cương và dự toán hoặc thuê tư vấn. Trong trường hợp thuê tư vấn, chủ rừng cần xây dựng đề cương nhiệm vụ (điều khoản tham chiếu - ToR) để đảm bảo lựa chọn đơn vị tư vấn đáp ứng các yêu cầu của đề cương, dự toán xây dựng phương án QLRBV và xác định được nguồn kinh phí thực hiện.

**Bước 3. Trình phê duyệt đề cương và dự toán:** Chủ rừng lập tờ trình kèm theo dự thảo đề cương và dự toán xây dựng phương án QLRBV gửi cơ quan chủ quản có thẩm quyền phê duyệt. Thông thường, cơ quan chủ quản giao cho một cơ quan chức năng trực thuộc thẩm định đề cương và dự toán.

**Bước 4. Thẩm định của các cơ quan chức năng liên quan:** Sau khi nhận được Tờ trình của chủ rừng, cơ quan thẩm định gửi văn bản, kèm theo dự thảo đề cương và dự toán, cho các cơ quan chức năng khác có liên quan cho ý kiến thẩm định bằng văn bản. Cơ quan thẩm định tổng hợp các ý kiến thành văn bản thẩm định và yêu cầu chủ rừng tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa dự thảo đề cương và dự toán. Trong trường hợp cần thiết cơ quan thẩm định có thể tổ chức họp hội đồng thẩm định góp ý trực tiếp.

**Bước 5. Chỉnh sửa và phê duyệt:** Chủ rừng căn cứ các ý kiến thẩm định (biên bản thẩm định) để xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình, sửa đổi, bổ sung, chỉnh lý đề cương và dự toán, gửi lại cho cơ quan thẩm định. Cơ quan thẩm định xem xét đề cương, dự toán và trình cơ quan chủ quản có thẩm quyền phê duyệt.



## CÂU HỎI 2

### NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

#### NỘI DUNG CỦA ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV BAO GỒM CÁC THÔNG TIN SAU ĐÂY:

**1. Sự cần thiết xây dựng phương án QLRBV:** Nêu sự cần thiết trên cơ sở quy định pháp luật, thực trạng và mục tiêu quản lý rừng của đơn vị, nhất là các mục tiêu về bảo vệ, bảo tồn, phục hồi và phát triển rừng và sự tham gia của công đồng dân cư địa phương trong quản lý bảo vệ rừng.

**2. Căn cứ pháp lý:** Nêu rõ các căn cứ pháp lý từ cấp trung ương đến địa phương liên quan đến các nội dung xây dựng phương án QLRBV; các căn cứ pháp lý liên quan đến đơn vị.

**3. Mục tiêu xây dựng phương án:** Đảm bảo một số nội dung chính như sau:

- **Mục tiêu tổng quát:** Nhằm triển khai xây dựng và thực hiện phương án QLRBV theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị.

- **Mục tiêu cụ thể:** Thu thập và cập nhật được thông tin, dữ liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, giá trị môi trường rừng, du lịch sinh thái; xác định được các mục tiêu, các hoạt động, lập kế hoạch cho các hoạt động; đề xuất được các giải pháp tổ chức thực hiện, giám sát đánh giá và khái toán được nhu cầu kinh phí và xác định được nguồn vốn thực hiện phương án QLRBV.



**Lưu ý:** Đây là mục tiêu của việc xây dựng đề cương, dự toán phương án, khác với mục tiêu của phương án QLRBV.

**4. Nội dung và phương pháp thực hiện:** Xác định các nội dung cần thực hiện để xây dựng phương án (xem thêm Câu hỏi 3). Nêu rõ các phương pháp cụ thể sẽ áp dụng cho từng nội dung công việc. Các phương pháp cần

có căn cứ như quy định, hướng dẫn hoặc tham khảo kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến nội dung các công việc đó. Nội dung, khối lượng công việc, địa điểm thực hiện cần được nêu rõ ràng làm căn cứ xây dựng dự toán.

**5. Kết quả dự kiến đạt được:** Liệt kê các kết quả cần đạt được như các báo cáo chuyên đề, số liệu, bản đồ, thuyết minh phương án... Nếu chủ rừng thuê tư vấn xây dựng phương án QLRBV thì cần có thêm sản phẩm là đề cương nhiệm vụ (điều khoản tham chiếu - ToR) làm căn cứ tuyển chọn tư vấn đủ năng lực xây dựng phương án QLRBV.

**6. Kế hoạch thực hiện:** Nêu rõ thời gian, tiến độ thực hiện, trách nhiệm các bên liên quan và kết quả cần đạt được cho từng nội dung công việc.

**7. Tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá:** Nêu rõ:

- Hình thức tổ chức thực hiện (như thuê tư vấn hay tự thực hiện);

- Hình thức giám sát đánh giá quá trình xây dựng phương án. Nếu cần thiết có thể thành lập tổ giám sát xây dựng phương án QLRBV.

**8. Dự toán và nguồn kinh phí:** Căn cứ vào các quy định, định mức hiện hành để dự toán kinh phí cần có để xây dựng phương án. Xác định rõ nguồn kinh phí xây dựng phương án.

?

### CÂU HỎI 3

**NHỮNG NỘI DUNG CÔNG VIỆC GÌ SẼ ĐƯỢC NÊU TRONG ĐỀ CƯƠNG ĐỂ TRIỂN KHAI KHI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV?**

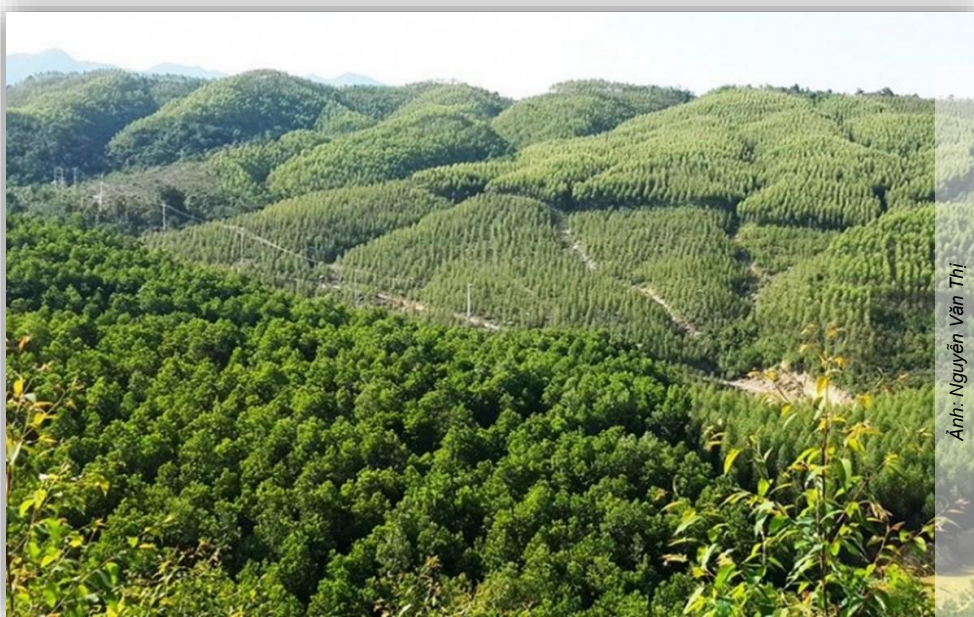
A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

*Các nội dung công việc cần triển khai để có đủ thông tin, dữ liệu hoặc bản đồ phục vụ xây dựng phương án theo yêu cầu của TT 28, TT 13 và TT24. Tuy nhiên, tùy tình hình thực tế của đơn vị, mục tiêu của phương án QLRBV, mức độ sẵn có thông tin, dữ liệu cũng như nguồn lực của chủ rừng để xác định nội dung công việc cần triển khai, cụ thể như sau:*

dung cần thiết phải thực hiện ngoài những nội dung yêu cầu, quy định để phù hợp với thực tiễn quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh của chủ rừng.

**3. Thông tin, dữ liệu, bản đồ có sẵn:** Tùy theo mức độ sẵn có và mức độ cập nhật các thông tin, dữ liệu và bản đồ để xác định các nội dung công việc cần thực hiện. Ví dụ, nếu các thông tin, dữ liệu và bản đồ đã được cập nhật, chỉ cần kế thừa mà không cần thu



Ảnh: Nguyễn Văn Thị

thập bổ sung. Ngược lại, nếu thông tin còn thiếu, chưa cập nhật cần phải cập nhật và điều tra bổ sung (xem phần 2.2).

**4. Nguồn lực của chủ rừng:** Để có một phương án QLRBV đạt chất lượng tốt cần có đầy đủ các thông tin, dữ liệu cần thiết và

được cập nhật đầy đủ, chính xác. Tuy nhiên, việc đó có thể gây tốn kém nhân lực, kinh phí và thời gian. Vì vậy, nếu nguồn lực của chủ rừng hạn chế thì có thể kế thừa các thông tin, dữ liệu là chính, chỉ rà soát bổ sung đảm bảo các yêu cầu tối thiểu về dữ liệu để xây dựng phương án và được phê duyệt. Ngược lại, nếu chủ rừng có nguồn lực tốt thì có thể điều tra đánh giá bổ sung để có dữ liệu đầy đủ cho xây dựng phương án QLRBV.



## CÂU HỎI 4

### ĐỊNH MỨC VÀ QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH ĐỂ LẬP DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG ?

A

#### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Các nội dung công việc trong xây dựng phương án QLRBV đa dạng, phụ thuộc vào nguồn số liệu, thông tin hiện có và bao gồm các công việc như: Điều tra rừng theo các chuyên đề, xây dựng bản đồ, chi phí đấu thầu, hội họp, công tác phí...vv. Hiện nay, chưa có quy định hay định mức riêng cho lập dự toán kinh phí xây dựng phương án QLRBV mà chỉ có thể áp dụng các quy định, định mức hiện hành, phù hợp cho từng nội dung công việc để dự toán kinh phí.

Ví dụ: Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho tuần tra bảo vệ rừng; Thông tư 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định định mức kinh tế-kỹ thuật điều tra rừng; Thông tư 11/2024/TT-BNNPTNT quy định định mức kinh tế-kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng.... các quy định về chi công tác phí, hội nghị, hội thảo... theo quy định của Bộ Tài chính và của địa phương...vv; Nghị định 23/2024/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật đấu thầu và các quy định khác liên quan...v.

#### 2.2.2. Thông tin, số liệu và bản đồ xây dựng phương án QLRBV

Dữ liệu và bản đồ là các thông tin quan trọng để xác định nội dung, quy mô, địa điểm và kế hoạch thực hiện các hoạt động của phương án QLRBV. Đối với rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng do phần lớn các hoạt động bảo vệ, bảo tồn và phát triển rừng sẽ sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai nên trong quá trình phê duyệt phương án, đơn vị thẩm định thường đòi hỏi các dữ liệu và bản đồ phải có tính pháp lý rõ ràng và được cập nhật đầy đủ.

Tuy nhiên, do các nguyên nhân khác nhau mà nhiều số liệu, bản đồ chưa được cập nhật hoặc có thể không khớp với số liệu thực tế mà chủ rừng đang quản lý. Đây là các vấn đề thường gây khó khăn cho các chủ rừng trong quá trình phê duyệt phương án QLRBV. Tuy nhiên, việc cập nhật, điều tra bổ sung các số liệu và bản đồ như hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài nguyên rừng... sẽ gây tốn kém kinh phí và thời gian. Trong khi đó, một phương án QLRBV được coi như một bản kế hoạch dài hạn và có thể cập nhật và điều chỉnh khi cần thiết.

Do đó, tùy theo điều kiện thực tế, nguồn lực và kinh phí sẵn có của chủ rừng mà xác định mức độ cập nhật cần thiết của số liệu và bản đồ. Đối với chủ rừng có nguồn lực tốt có thể điều tra bổ sung để có số liệu đầy đủ nhất phục vụ xây dựng phương án. Đối với những chủ rừng có nguồn lực hạn chế, việc kế thừa những số liệu và bản đồ có tính pháp lý rõ ràng trong khoảng thời gian gần nhất có thể sử dụng để xây dựng phương án QLRBV. Theo quy định về kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng toàn quốc được thực hiện theo định kỳ, do đó chủ rừng có thể điều chỉnh phương án khi có số liệu và bản đồ cập nhật ở lần kiểm kê rừng tiếp theo hoặc số liệu theo dõi diễn biến rừng hàng năm (FRMS). Trong trường hợp một số loại số liệu bị thiếu như tài nguyên rừng, lâm sản ngoài gỗ, đa dạng sinh học... có thể đề xuất thành một hoạt động trong phương án QLRBV và sẽ được thực hiện khi phương án được phê duyệt.



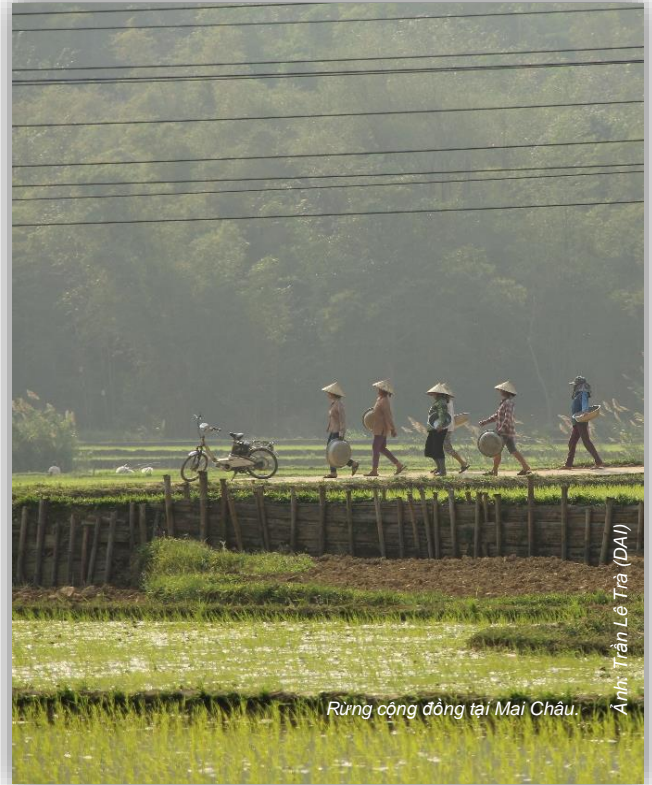
## CÂU HỎI 5

NGUỒN GỐC, TÍNH HỢP PHÁP, MỨC ĐỘ CẬP NHẬT CỦA CÁC DỮ LIỆU THỨ CẤP NHƯ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ – XÃ HỘI, GIAO THÔNG, QUỐC PHÒNG, AN NINH?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Kế thừa từ các tài liệu thứ cấp có nguồn gốc rõ ràng, được cập nhật gần nhất như niên giám thống kê, các báo cáo hàng năm của địa phương và các cơ quan chức năng liên quan. Chỉ sử dụng các thông tin liên quan đến xây dựng và thực hiện phương án QLRBV. Từ những thông tin đó, phân tích những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và đề xuất nội dung liên quan đến xây dựng và thực hiện phương án QLRBV của chủ rừng.



Rừng cộng đồng tại Mai Châu.

Ảnh: Trần Lê Trà (DAI)



## CÂU HỎI 6

NGUỒN VÀ MỨC ĐỘ CẬP NHẬT CỦA SỐ LIỆU DIỆN TÍCH VÀ BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Kế thừa số liệu và bản đồ hiện trạng sử dụng đất được phê duyệt gần nhất. Trong trường hợp số liệu chưa được cập nhật trong thời gian 5 năm (theo quy định về kiểm kê đất đai tại khoản 6 Điều 59 Luật Đất đai 2024 và Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất) hoặc có thay đổi lớn (ví dụ chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, thu hồi đất cho địa phương hoặc đơn vị khác...), chủ rừng cần rà soát và điều tra bổ sung theo quy định về thống kê, kiểm kê đất đai theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT nêu trên.



Rừng cộng đồng tại Mai Châu.

Ảnh: Trần Lê Trà (DAI)



## CÂU HỎI 7

NGUỒN VÀ MỨC ĐỘ CẬP NHẬT CỦA SỐ LIỆU DIỆN TÍCH VÀ BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG ?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Kế thừa số liệu và bản đồ hiện trạng rừng được phê duyệt gần nhất. Trong trường hợp số liệu chưa được cập nhật trong thời gian 5 năm (theo quy định tại Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT) hoặc có thay đổi lớn (ví dụ thay đổi trạng thái do thiên tai, cháy rừng, mất rừng do vi phạm lâm luật, chuyển đổi mục đích sử dụng...), chủ rừng cần rà soát và điều tra bổ sung; ưu tiên điều tra bổ sung rừng tự nhiên nghèo, nghèo kiệt, đất chưa có rừng và rừng trồng (theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT) để làm căn cứ lập kế hoạch phát triển rừng; đối với trạng thái rừng có trữ lượng trung bình trở lên không cần điều tra bổ sung nếu nguồn lực hạn chế.



## CÂU HỎI 8

CHỦ RỪNG PHẢI LÀM GÌ NẾU SỐ LIỆU HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỐ LIỆU HIỆN TRẠNG RỪNG KHÔNG KHỚP NHAU?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Trong thực tiễn, thường xảy ra vấn đề không trùng khớp giữa số liệu bản đồ hiện trạng sử dụng đất và số liệu bản đồ hiện trạng rừng. Trong trường hợp này, cần rà soát, điều tra bổ sung để có số liệu thực tế về số liệu hiện trạng sử dụng đất và số liệu hiện trạng rừng mà đơn vị đang quản lý phục vụ cho xây dựng phương án QLRBV. Việc rà soát, điều tra bổ sung được thực hiện như đã giải đáp và hướng dẫn tại các Câu số 6 và số 7 nêu trên.



## CÂU HỎI 9

NGUỒN VÀ MỨC ĐỘ CẬP NHẬT CỦA SỐ LIỆU DIỆN TÍCH VÀ BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Như đã giải đáp tại các Câu hỏi 7 và 8, trường hợp số liệu kiểm kê rừng được phê duyệt gần nhất không quá 5 năm hoặc không có sự thay đổi lớn, nguồn lực của chủ rừng hạn chế thì chủ rừng có thể sử dụng số liệu được phê duyệt gần nhất để xây dựng phương án; khi có số liệu trong lần kiểm kê tiếp theo sẽ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án theo số liệu mới nếu cần thiết. Ngược lại, nếu có những thay đổi lớn, chủ rừng cần huy động nguồn lực để rà soát, điều tra bổ sung để có số liệu chính xác về hiện trạng sử dụng đất và rừng mà đơn vị đang quản lý phục vụ cho xây dựng phương án. Việc rà soát, điều tra bổ sung thực hiện như hướng dẫn tại các Câu hỏi 6 và 7 nêu trên.





## CÂU HỎI 10

NGUỒN VÀ MỨC ĐỘ CẬP NHẬT CỦA SỐ LIỆU DIỆN TÍCH VÀ BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG ?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

*Nguồn và mức độ cập nhật số liệu hiện trạng tài nguyên rừng tại các Điều 5, 6, 7 của TT 28 bao gồm tài nguyên gỗ, lâm sản ngoài gỗ (LSNG) và đa dạng sinh học (ĐDSH). Tùy theo đối tượng và loại rừng để xác định mức độ cập nhật cần thiết của số liệu, như sau:*

nhiên là rừng sản xuất trong thời gian đóng cửa rừng – tạm dừng khai thác chính.

Như vậy, mức độ chính xác cao về số liệu trữ lượng gỗ trong rừng đặc dụng và phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên để sử dụng cho xây dựng phương án QLRBV là không cần thiết, mà chỉ cần kế thừa số liệu kết quả kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng về trữ lượng gỗ.

Đối với rừng trồng phòng hộ, rừng trồng sản xuất nếu chưa có số liệu cập nhật, mà dự kiến trong giai đoạn thực hiện phương án QLRBV có thể có nhu cầu khai thác gỗ thì cần phải điều tra bổ sung, cập nhật số liệu về trữ lượng rừng trồng phòng hộ và sản xuất phục vụ cho lập kế hoạch khai thác rừng.

#### b) Về trữ lượng lâm sản ngoài gỗ:

Quy định hiện hành không cho phép khai thác LSNG trong rừng đặc dụng mà chỉ cho phép khai thác trong rừng phòng hộ và rừng sản xuất, theo đó:

- Đối với rừng đặc dụng, có thể kế thừa số liệu về LSNG ở kết quả kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng gần nhất mà không cần điều tra bổ sung.

- Đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất chủ rừng được phép khai thác LSNG nhưng phải đảm bảo duy trì sự phát triển bền vững và không ảnh hưởng tới chức năng phòng hộ, sản xuất của rừng; sản lượng loài khai thác không được lớn hơn lượng tăng trưởng của loài đó.

Như vậy, để lập kế hoạch khai thác bền vững LSNG cần phải có số liệu hiện trạng LSNG đầy đủ theo các nhóm sản phẩm khác nhau. Mặc dù đã có số liệu trữ lượng LSNG từ kết quả kiểm kê rừng, chủng loại LSNG rất đa dạng, trữ lượng có mức độ biến động lớn theo thời gian do việc khai thác, sử dụng thường xuyên và mang tính mùa vụ đối với những loài cây ngắn ngày.

Do đó, số liệu LSNG trong kết quả kiểm kê rừng gần nhất có thể chưa đầy đủ để lập kế hoạch khai thác bền vững mà chỉ kế thừa để xác định giá trị tiềm năng LSNG của khu rừng. Trong khi đó, việc điều tra đầy đủ về trữ lượng LSNG cũng khó thực hiện được ngay do khá tốn kém công sức, thời gian và đòi hỏi hiểu biết chuyên môn cao. Vì vậy, việc điều tra bổ sung LSNG khó có thể thực hiện được ngay mà cần đưa thành một hoạt

#### a) Về trữ lượng gỗ:

Số liệu trữ lượng gỗ được sử dụng để phân cấp mức độ giàu, nghèo, trung bình của các trạng thái rừng và lập kế hoạch khai thác đối với loại rừng được phép khai thác:

- Đối với mục tiêu điều tra bổ sung để phân loại hiện trạng rừng, cần tiến hành điều tra xác định trữ lượng rừng để xác định trạng thái rừng nghèo, nghèo kiệt và chưa có rừng (xem Câu số 7).

- Đối với mục tiêu điều tra để lập kế hoạch khai thác, theo quy định hiện hành, ngoài rừng sản xuất chỉ có gỗ rừng trồng ở rừng phòng hộ và rừng nghiên cứu khoa học là được phép khai thác; tất cả các trường hợp còn lại là không được phép (Điều 52 và 55 của Luật Lâm nghiệp; Điều 12 và 20 của Nghị định 156) kể cả rừng tự



Điều tra, khảo sát bổ sung bản đồ hiện trạng rừng phục vụ xây dựng phương án QLRBV

Ảnh: Nguyễn Văn Thi

động trong phương án QLRBV “Điều tra, lập kế hoạch khai thác và phát triển LSNG bền vững” và sẽ được triển khai thực hiện sau khi phương án QLRBV được phê duyệt.

### c) Về đa dạng sinh học (động vật rừng và thực vật rừng):

Việc có số liệu đầy đủ về ĐDSH là cần thiết để lập kế hoạch hoạt động và giải pháp bảo tồn và phát triển ĐDSH trong phương án QLRBV. Tuy nhiên, để có số liệu đầy đủ đòi hỏi yêu cầu chuyên môn cao, nguồn lực và thời gian. Do đó, có thể áp dụng các cách thức sau để có số liệu ĐDSH phù hợp cho xây dựng phương án QLRBV:

- Đối với rừng đặc dụng, khi thành lập các khu rừng đặc dụng đã có các kết quả điều tra, đánh giá ĐDSH khá đầy đủ và được cập nhật theo quy định. Như vậy, việc điều tra lại là

không cần thiết, mà chỉ cần cập nhật, kế thừa thông qua báo cáo điều tra chuyên đề, giám sát đa dạng sinh học để tổng hợp các kết quả đã có và tài liệu thứ cấp, sau đó tiến hành khảo sát kiểm chứng lại các kết quả và xác định mức độ phù hợp của kết quả đã có so với thực tiễn. Việc khảo sát chú trọng vào các hệ sinh thái và nhóm các loài động vật, thực vật bậc cao nguy cấp, quý, hiếm theo quy định. Phương pháp khảo sát có thể áp dụng như sau:

- + **Bước 1:** Tổng hợp thông tin từ các tài liệu thứ cấp về các hệ sinh thái và các loài nguy cấp, quý, hiếm; quy mô, địa điểm, sự tồn tại, phát triển và sinh cảnh sống của chúng;
- + **Bước 2:** Phỏng vấn người dân địa phương và các bên liên quan khác để kiểm chứng các thông tin đã có và bổ sung thông tin nếu có;
- + **Bước 3:** Khảo sát theo tuyến/lát cắt để kiểm chứng các thông tin đã có, nếu phát hiện thông tin bổ sung cần tiến hành điều tra bổ sung theo quy định tại Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư 16/2023/TT-BNNPTNT (phụ lục đính kèm về hướng dẫn điều tra).

- Đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất: Số liệu về ĐDSH thường không được nghiên cứu đầy đủ như đối với rừng đặc dụng. Tuy nhiên, việc điều tra toàn diện ĐDSH đòi hỏi nguồn lực và thời gian. Do đó, phương pháp đánh giá ĐDSH trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất áp dụng theo 3 bước như đã nêu trên đối với rừng đặc dụng.

### 2.2.3. Điều tra bổ sung dữ liệu theo chuyên đề

Rừng đặc dụng, phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng có chức năng chính là bảo tồn ĐDSH, bảo vệ môi trường, sinh thái và có tính xã hội cao. Để có cơ sở xác định các hoạt động, lập kế hoạch và xác định giải pháp thực hiện trong phương án QLRBV, cần phải xác định được các tác động qua lại giữa các hoạt động quản lý rừng với môi trường, sinh thái và xã hội. Do đó, việc điều tra, đánh giá thu thập thông tin bổ sung theo các chuyên đề như đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động tới môi trường và xã hội, xác định các giá trị về sinh thái, tiềm năng cho các hoạt động dịch vụ môi trường rừng và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí là cần thiết. Các vấn đề cụ thể thường được hỏi khi xây dựng phương án QLRBV được giải đáp như sau:



#### CÂU HỎI 11

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI?

#### A

#### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

- Phương pháp đánh giá TĐMT từ các hoạt động lâm nghiệp
- Phương pháp đánh giá TĐXH từ các hoạt động quản lý rừng

#### a) Phương pháp đánh giá TĐMT từ các hoạt động lâm nghiệp:

Nhằm dự báo các tác động tiêu cực tới môi trường khi triển khai thực hiện các hoạt động lâm nghiệp và đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, cụ thể tại **Bảng 3**.

#### b) Phương pháp đánh giá TĐXH từ các hoạt động quản lý rừng

Hoạt động này xác định được các tác động xã hội và đưa ra biện pháp làm giảm thiểu tác động tiêu cực tới người lao động, cộng đồng

dân cư và các bên liên quan khi thực hiện các hoạt động lâm nghiệp. Phương pháp đánh giá tại **Bảng 4**.

**Bảng 3: Phương pháp đánh giá TĐTM từ các hoạt động lâm nghiệp**

Nhóm hoạt động	Công việc cụ thể	Mô tả tác động tiêu cực	Phương pháp đánh giá
1. Kiến thiết cơ bản	Mở đường giao thông, vận xuất, vận chuyển	Xói mòn đất, sạt lở đất, lắng đọng sông suối, hồ, ô nhiễm nguồn nước	<ul style="list-style-type: none"><li>Quan sát và phỏng vấn</li><li>Quan sát mặt đường, hai bên đường để xác định xói mòn và sạt lở đất; các tổn hại đến cây cối và cây tái sinh; lắng đọng ở sông suối. Phỏng vấn người dân về tình trạng lắng đọng sông suối, chất lượng nước trước, trong và sau mùa khai thác. Quan sát xem dầu mỡ có bị chảy trên hiện trường không? Có tác động đến các khu vực có giá trị bảo tồn cao không?</li></ul>

Nhóm hoạt động	Công việc cụ thể	Mô tả tác động tiêu cực	Phương pháp đánh giá
	Xây dựng đập, ngầm, cầu/cống	Xói mòn đất, sạt lở đất, ngăn chặn dòng chảy	Khảo sát thực tế tại các công trình và xem xét: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước có lưu thông tốt không?</li> <li>- Nước có bị ứ đọng hoặc khô cạn không?</li> <li>- Hai bên bờ sông suối có bị sạt lở hoặc xói mòn không?</li> <li>- Dòng chảy có bị cản trở bởi cành nhánh, rác thải không?</li> <li>- So sánh thực tế với thiết kế ban đầu, vị trí có đúng không?</li> </ul>
	Xây dựng trụ sở, Trạm, lán trại	Ảnh hưởng cảnh quan môi trường; Ô nhiễm nguồn nước; Rác thải môi trường;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát thực tế</li> <li>- So sánh thực tế với thiết kế ban đầu, vị trí có đúng không? Quy hoạch và xử lý chất thải: nguồn nước sinh hoạt và hệ thống nước thải sinh hoạt của công nhân?</li> </ul>
2. Sản xuất cây con vườn ươm	Nguồn tưới nước	Ảnh hưởng đến chất lượng cây giống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát thực tế:</li> <li>- Kiểm tra nguồn nước và hệ thống đường nước tưới của vườn ươm; So sánh thực tế với thiết kế ban đầu?</li> </ul>
	Nguồn tưới nước	Ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt, sông suối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát thực tế hệ thống đường nước thải của vườn ươm;</li> <li>- So sánh thực tế với thiết kế ban đầu? Kiểm tra hệ thống xử lý nước thải?</li> </ul>
	Chất thải	Cây tồn chết do sâu bệnh, túi bầu, chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát thực tế:</li> <li>- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý chất thải?</li> </ul>
3. Trồng và chăm sóc rừng	Phát dọn, xử lý thực bì	Ô nhiễm không khí; Xói mòn, rửa trôi; thoái hóa đất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát thực tế:</li> <li>- Kiểm tra hiện trường, xử lý cục bộ hay toàn diện? Thủ công hay cơ giới: Đốt thực bì hay quản lý vật liệu hữu cơ?</li> </ul>
	Làm đất và trồng rừng	Ô nhiễm không khí; Xói mòn, rửa trôi; Dầu mỡ rò rỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát thực tế:</li> <li>- Kiểm tra kỹ thuật chăm sóc? Máy móc, thiết bị chăm sóc; Thu gom và xử lý dầu mỡ rò rỉ do máy móc, thiết bị</li> </ul>
	Chăm sóc	Ô nhiễm không khí; Xói mòn, rửa trôi; Dầu mỡ rò rỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát thực tế:</li> <li>- Kiểm tra kỹ thuật chăm sóc? Máy móc, thiết bị chăm sóc; Thu gom và xử lý dầu mỡ rò rỉ do máy móc, thiết bị</li> </ul>

Nhóm hoạt động	Công việc cụ thể	Mô tả tác động tiêu cực	Phương pháp đánh giá
4. Khai thác rừng	Cắt, chặt hạ cây	Ảnh hưởng cây còn lại; tổn hại cây tái sinh; phá hoàn cảnh sống động vật, sinh vật;	Quan sát bằng mắt: Kiểm tra hướng đổ và mức độ tàn phá cây còn lại; Quan sát và xác định khu khai thác có phải khu vực cư trú hoặc sinh cảnh của động vật quý hiếm không? Đánh giá mức độ tàn phá rừng? Thực tế hiện trường và hồ sơ thiết kế? Lập ô đo đếm: đánh giá tiềm năng tái sinh sau khai thác?
	Vận xuất	Ảnh hưởng cây tái sinh; Xói mòn đất, ô nhiễm đất, nước do thải, rò rỉ dầu mỡ	Quan sát bằng mắt và phỏng vấn: Kiểm tra hệ thống đường vận xuất; Quan sát mặt đường, để xác định hiện tượng xói mòn và lở đất; Quan sát các cây còn lại trong rừng có bị hư hại không? Phương tiện vận xuất đúng thiết kế? Tình trạng dầu mỡ máy móc hay lắng đọng lòng sông suối, chất lượng nước.
	Vận chuyển	Sạt lở hoặc nén đất, ô nhiễm đất, nước do thải, rò rỉ dầu mỡ	Quan sát bằng mắt và phỏng vấn: Kiểm tra hệ thống đường vận chuyển? Có dấu hiệu xói mòn, sạt lở đất hay không? Quan sát cây còn lại ven hai bên đường có bị ảnh hưởng không? Phương tiện vận chuyển đúng hồ sơ thiết kế? Nước có loang dầu hay bị lắng đọng, đục do mở đường và vận chuyển không?
	Vệ sinh rừng sau khai thác	Ô nhiễm môi trường không khí, nước	Quan sát bằng mắt: Kiểm tra vệ sinh rừng sau khai thác? Phương thức và phương pháp xử lý? Quản lý vật liệu hữu cơ hay đốt?
	Sinh hoạt công nhân khai thác	Rác thải sinh hoạt	Quan sát bằng mắt và phỏng vấn: Phỏng vấn công nhân về sinh hoạt hàng ngày? Kiểm tra hiện trường rác thải của công nhân?
5. Chế biến gỗ	Trang thiết bị, máy móc chế biến	Trang thiết bị, máy móc chế biến	Quan sát bằng mắt và phỏng vấn: Kiểm tra hệ thống đường khí thải ra không khí? Quan sát dấu hiệu ô nhiễm không khí hay không? Quan sát dầu mỡ của thiết bị, máy móc chế biến có bị rò rỉ? Nguồn nước thải từ xưởng chế biến?
	Rác thải	Rác nguyên liệu chế biến	Rác thải từ nguyên liệu chế biến
6. Sử dụng hóa chất	Sử dụng hóa chất diệt nấm, sâu bệnh và bón phân hóa học	Gây ô nhiễm không khí, nước và đất; Sức khỏe của người sử dụng; cộng đồng; môi trường sống của động vật, côn trùng	Quan sát bằng mắt và phỏng vấn: Xác định loại hóa chất sử dụng có nằm trong danh mục các loại hóa chất được phép sử dụng hay không? Xác định liều lượng sử dụng hóa chất? Hồ sơ lưu giữ? Trang thiết bị bảo hộ cho người dùng. Nơi lưu trữ hóa chất có đúng theo quy trình không? Hóa chất có ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt của cộng đồng không?



**Bảng 4: Phương pháp đánh giá TĐXH từ hoạt động quản lý rừng**

<b>Hoạt động tác động</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>
Trang thiết bị bảo hộ lao động	Phỏng vấn hộ gia đình người trực tiếp thực hiện, người làm thuê: có sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết không? Có được tập huấn sử dụng trang thiết bị?
An toàn lao động	Phỏng vấn hộ gia đình trực tiếp thực hiện, người làm thuê: nhận biết và cảnh báo các rủi ro tiềm ẩn của các hoạt động lâm nghiệp; trách nhiệm của chủ rừng thực hiện các biện pháp giảm thiểu cho người lao động; kiểm tra báo cáo, quy trình quản lý an toàn lao động của chủ rừng/nhóm;
Đào tạo, tập huấn,	Phỏng vấn hộ gia đình trực tiếp thực hiện, người làm thuê: về các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực, kiểm tra báo cáo.
Chia sẻ trách nhiệm	Phỏng vấn chủ rừng, cộng đồng thôn bản và các bên liên quan: việc phòng chống cháy rừng, bảo vệ rừng. Kiểm tra quy trình phòng cháy chữa cháy.
Sức khỏe	Quan sát trực tiếp kết hợp phỏng vấn cộng đồng thôn bản và các bên liên quan: tinh thần và thể chất của người dân có thể bị ảnh hưởng do hoạt động lâm nghiệp như tiếng ồn, ô nhiễm không khí, nguồn nước, sạt lở đất, xói mòn đất.
Văn hóa xã hội	Phỏng vấn cộng đồng thôn bản và các bên liên quan: sự ảnh hưởng đến môi trường sống, phong tục tập quán, văn hóa truyền thống;
Xung đột lợi ích	Điều tra, phỏng vấn cộng đồng và các bên liên quan: việc tranh chấp, bất đồng có phát sinh giữa các chủ rừng với người dân địa phương.



## CÂU HỎI 12

XÁC ĐỊNH KHU VỰC RỪNG CÓ GIÁ TRỊ VỀ SINH THÁI, MÔI TRƯỜNG VÀ VĂN HÓA?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

- a) Khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái
- b) Rừng có ý nghĩa về văn hóa, tín ngưỡng và giải trí
- c) Khu vực có chức năng bảo vệ đất và nguồn nước

#### a) Khu rừng giá trị về sinh thái

- Sử dụng phương pháp điều tra ngoại nghiệp như lập các tuyến, ô tiêu chuẩn tiến hành điều tra, thu thập số liệu về động, thực vật, xác định các kiểu rừng, hệ sinh thái rừng trong khu vực phân vùng chức năng rừng; phỏng vấn người dân địa phương: về danh lục các loài động, thực vật thường gặp, danh lục các loài động, thực vật quý hiếm có trong khu vực, về các kiểu rừng, hệ sinh thái rừng hiện có trong khu vực, cách thức người dân bảo vệ, khai thác các nguồn lợi từ rừng.

- Sử dụng phương pháp chuyên gia như họp kỹ thuật có sự hướng dẫn của chuyên gia hoặc tham vấn ý kiến chuyên gia

...để tiến hành tổng hợp, xác định danh lục các loài động thực vật có trong khu vực, danh lục các loài động, thực vật quý hiếm, xác định các hệ sinh thái rừng có trong khu vực, phân loại các hệ sinh thái rừng này theo các chức năng rừng đã được xác định ở trên.

- Các chức năng rừng được xác định và khoanh vẽ trên bản đồ bao gồm: (i) Hệ sinh thái rừng quý, hiếm, dễ bị tổn thương hoặc hệ sinh thái đặc trưng như các vùng cửa sông, ven biển, vùng đất ngập nước khác, núi đá (ST1); (ii) Khu vực có các loài đặc hữu và môi trường sống của các loài bị đe dọa theo quy định (ST2); (iii) Các nguồn gen tại chỗ đang bị nguy cấp và cần được bảo vệ (ST3); (iv) Các khu vực cảnh quan có tầm quan trọng trên thế giới, trong khu vực và quốc gia đã được xác định hoặc khu rừng có giá trị bảo tồn cao (ST4)

#### b) Rừng có ý nghĩa về văn hóa, tín ngưỡng và giải trí

- Sử dụng phương pháp điều tra nhanh nông thôn (PRA – Participatory Rural Appraisal) để điều tra dân sinh, kinh tế, xã hội, nhu cầu sử dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ của cộng đồng dân cư sống trong hoặc gần rừng.

- Điều tra nhanh nông thôn cũng nhằm xác định phong tục tập quán, nhu cầu sử dụng gỗ và lâm sản của cộng đồng dân cư từ đó xác định các khu rừng sẽ được sử dụng vào mục đích sử dụng gỗ và lâm sản tại chỗ của người dân.

- Điều tra nhanh nông thôn cũng nhằm xác định các đặc điểm lịch sử, văn hóa, tôn giáo, các điểm vui chơi, giải trí danh lam, thắng cảnh hoặc khu vực có ý nghĩa về khoa học, quân sự của cộng đồng dân cư sống gần hoặc trong rừng từ đó xác định các khu rừng có chức năng phục vụ nhu cầu này của người dân bản địa.

- Trên cơ sở thông tin, số liệu điều tra về tình hình kinh tế, xã hội, nhu cầu sử dụng gỗ, lâm sản ngoài gỗ của cộng đồng dân cư tiến hành xác định vị trí, ranh giới, quy mô các khu rừng với các chức năng phục vụ mục đích xã hội trên bản đồ hiện trạng rừng với sự tham gia của người dân địa phương theo phương pháp xây dựng bản đồ có sự tham gia (Participatory mapping). Đối với các khu vực khó xác định trên bản đồ, cần được đánh dấu, khoanh vẽ trực tiếp ngoại nghiệp bằng GPS.

- Các chức năng rừng được xác định ranh giới trên bản đồ bao gồm: (i) Bảo vệ địa danh lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng (XH1); (ii) Đáp ứng nhu cầu tại chỗ về gỗ, LSNG của cộng đồng (XH2); (iii) Đáp ứng nhu cầu tại chỗ, thương mại về gỗ, LSNG của cộng đồng (XH3); (iv) Các mục đích xã hội khác (XH4).

### c) Khu vực có chức năng bảo vệ đất và nguồn nước

- Xây dựng bản đồ độ cao, độ dốc: Mô hình số độ cao (DEM) được xây dựng dựa trên cơ sở nội suy từ bản đồ địa hình (lớp đường đồng mức) hoặc được kế thừa từ các nguồn dữ liệu có độ tin cậy cao. Mô hình số độ cao là cơ sở quan trọng cho việc phân cấp độ dốc, độ cao trên bản đồ.

+ Độ cao: được phân thành các cấp như sau:

Cấp 1: từ 0 đến 700m

Cấp 2: từ 700 đến 1.500m

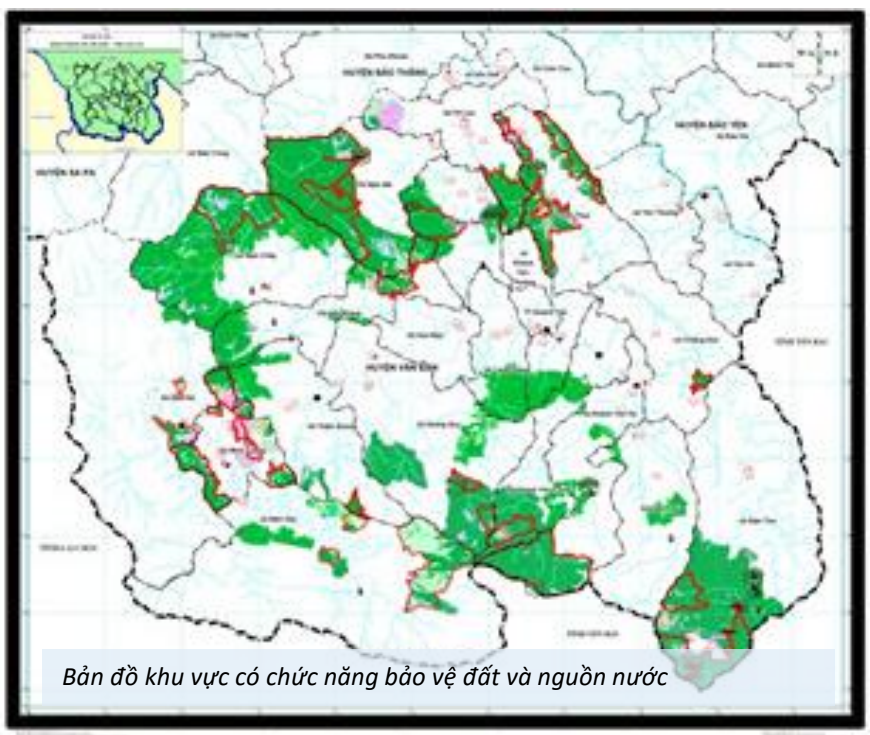
Cấp 3: trên 1.500m

+ Độ dốc: được phân thành các cấp như sau:

Cấp 1: từ 0o đến 25°

Cấp 2: từ 25o đến 35°

Cấp 3: trên 35°



- Xây dựng bản đồ sông suối, hồ chứa nước: Trên cơ sở các dữ liệu thủy văn thu thập được, tiến hành cập nhật, xác định các hệ thống sông ngòi, bề rộng các hệ thống sông ngòi để xác định vùng đệm phù hợp theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính Phủ quy định việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Trên cơ sở các lớp độ cao, độ dốc, thủy văn đã được phân chia, tiến hành chồng xếp lên bản đồ hiện trạng rừng để làm cơ sở xác định, khoanh vẽ các khu vực có các chức năng tương ứng.

- Từ kết quả, khoanh vẽ, xác định các khu vực chức năng ở nội nghiệp, tiến hành rà soát, kiểm tra, ngoại nghiệp. Tiến hành cập nhật kết quả rà soát, điều chỉnh ngoại nghiệp lên bản đồ phân vùng chức năng.

Các chức năng rừng được xác định ranh giới trên bản đồ bao gồm: (i) Khu vực bảo vệ đất, chống xói mòn (MT1); (ii) Khu vực phòng tránh nguy cơ xói mòn thoái hóa đất (MT2); (iii) Khu vực bảo vệ nguồn nước sinh hoạt và sản xuất (MT3); (iv) Khu vực phòng hộ ven sông suối (MT4).



## 2.2.4. Xác định và lập kế hoạch triển khai các hoạt động trong phương án QLRBV

Trước khi xác định và lập kế hoạch triển khai các hoạt động trong phương án, cần xác định rõ mục tiêu quản lý, trong đó bao gồm mục tiêu chung (thể hiện tầm nhìn chiến lược) và các mục tiêu cụ thể để giải quyết tầm nhìn chiến lược đó. Từ đó, các hoạt động được xác định và lập kế hoạch triển khai để giải quyết các mục tiêu cụ thể đã đề ra.

Như vậy, việc xác định các hoạt động và lập kế hoạch triển khai các hoạt động là nội dung rất quan trọng. Các hoạt động chủ yếu đã được quy định tại Điều 5 (đối với rừng đặc dụng), Điều 6 (đối với rừng phòng hộ) và Điều 7 (đối với rừng sản xuất) của TT 28. Tuy nhiên, tùy theo mục tiêu quản lý và điều kiện thực tế của từng đơn vị, chủ rừng căn cứ vào các thông tin, dữ liệu cụ thể của đơn vị mình để xác định các hoạt động cần thiết, phù hợp. Các hoạt động được xác định có thể không bao gồm toàn bộ các hoạt động như đã quy định tại TT 28 hoặc có thể bổ sung các hoạt động đặc thù chưa được đề cập đến tại TT 28 nếu cần thiết và phù hợp với quy định và thực tiễn quản lý, sản xuất, kinh doanh.

Các hoạt động được xác định và kế hoạch thực hiện phải thể hiện tính khả thi, trên cơ sở đã xem xét các rủi ro, hạn chế và cơ hội trong tầm nhìn dài hạn. Tuy nhiên, do phương án QLRBV có thể được điều chỉnh khi cần thiết, nên cũng không hạn chế việc đưa vào các hoạt động mà cơ hội hay nguồn lực để thực hiện mới chỉ được dự báo trước, ví dụ như các chính sách trung ương và địa phương đang được xây dựng, chuẩn bị triển khai, các dự án hay tài trợ quốc tế... Nhiều hoạt động muốn triển khai trong giai đoạn xây dựng phương án QLRBV mà chưa có nhân lực và tài chính thực hiện cần đưa vào thực hiện trong giai đoạn triển khai phương án QLRBV.

Một số vấn đề cụ thể trong lập kế hoạch các hoạt động thường được hỏi khi xây dựng phương án QLRBV được giải đáp như sau:



### CÂU HỎI 13

CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC LÀM CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG QLRBV ?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC LÀM CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG QLRBV GỒM:

- **Nghị định 58/2024/NĐ-CP** ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, trong đó quy định một số chính sách về đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến thương mại lâm sản.

- **Quyết định số 1719/QĐ-TTg** ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

- **Quyết định số 809/QĐ-TTg** ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.



## CÂU HỎI 14

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI DIỆN TÍCH TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG CÓ DÂN CƯ ĐANG SINH SỐNG TỪ TRƯỚC KHI THÀNH LẬP?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

VIỆC LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI DIỆN TÍCH NÀY CẦN DỰA VÀO CÁC THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐẦY ĐỦ, ĐƯỢC THU THẬP TRÊN CƠ SỞ CÓ SỰ THAM GIA, THẢO LUẬN, THỐNG NHẤT CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN, TRÁNH XẢY RA TÁC ĐỘNG LỚN VỀ XÃ HỘI. CÁC THÔNG TIN, DỮ LIỆU CẦN ĐƯỢC THU THẬP NHƯ SAU:

hiện các hoạt động dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng... mà không cần phải di dời họ ra khỏi rừng đặc dụng.

- Trên cơ sở thông tin có được và định hướng phát triển của địa phương, tiến hành thảo luận với người dân, chính quyền địa phương về nguyện vọng của họ và các bên liên quan để xác định hoạt động và giải pháp phù hợp (di dời hay ổn định đời sống mà không ảnh hưởng tới quản lý bảo vệ rừng).

- Lập kế hoạch sử dụng đất trong phương án QLRBV phải phù hợp với nguyện vọng chính đáng của người dân, điều kiện thực tiễn và nguồn lực của địa phương.

- Điều tra, khảo sát, thống kê số hộ gia đình, lịch sử hình thành, thông tin cơ bản về hộ gia đình, hiện trạng sử dụng đất, nguồn gốc pháp lý đất đai hay lịch sử sử dụng đất.

- Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc cư trú, sinh sống của các hộ gia đình đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Chú ý xem xét tới các giá trị văn hóa, truyền thống, nguồn nhân lực, kiến thức bản địa mà các hộ gia đình có thể đóng góp cho việc bảo vệ và phát triển rừng, thực



## CÂU HỎI 15

CHỦ RỪNG CHƯA ĐƯỢC GIAO ĐẤT, GIAO RỪNG VÀ CẮM MỐC RANH GIỚI THÌ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QLRBV NHƯ THẾ NÀO?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Hiện vẫn còn một số chủ rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng sản xuất, đặc biệt có khu rừng đặc dụng đến nay chưa được giao đất, giao rừng, mà chỉ quản lý lâm phận theo quyết định thành lập. Do đó, chủ rừng cần lập kế hoạch xây dựng đề án giao đất gắn với giao rừng và cắm mốc ranh giới trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để sau khi phương án QLRBV được phê duyệt thì đề nghị cho triển khai thực hiện, đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật về đất đai và lâm nghiệp.





### CÂU HỎI 16

LẬP KẾ HOẠCH KHAI THÁC GỠ CHO  
3 LOẠI RỪNG NHƯ THẾ NÀO?



### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Việc lập kế hoạch khai thác gỗ phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về lâm nghiệp như sau:

- Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng: Thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật Lâm nghiệp; Điều 12 Nghị định số 156;
- Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ: Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Lâm nghiệp; Điều 20 Nghị định số 156;
- Khai thác lâm sản trong rừng sản xuất: Thực hiện theo quy định tại Điều 58 và Điều 59 Luật Lâm nghiệp; Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 156;

Hướng dẫn chi tiết khai thác lâm sản trong 3 loại rừng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp. Riêng đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên đang thực hiện chủ trương tạm dừng khai thác chính, do đó khi lập kế hoạch khai thác gỗ các chủ rừng không lập kế hoạch thực hiện nội dung này.



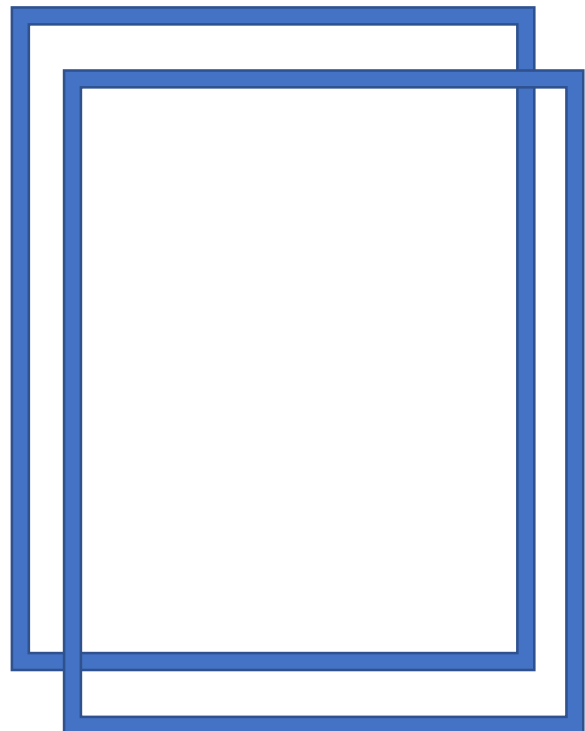
### CÂU HỎI 17

KẾ HOẠCH KHAI THÁC LÂM SẢN  
NGOÀI GỠ ĐƯỢC XÂY DỰNG  
NHƯ THẾ NÀO?



### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, chỉ được phép khai thác LSNG trong rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Nếu chủ rừng đã có số liệu điều tra đầy đủ về LSNG, có thể lập kế hoạch khai thác LSNG bền vững. Kế hoạch cần nêu rõ chủng loại LSNG, diện tích, địa điểm, sản lượng, quy chế quản lý hay chia sẻ lợi ích với bên nhận khoán bảo vệ rừng...vv. Trường hợp, chủ rừng chưa có số liệu điều tra đầy đủ về LSNG, thì có thể đưa thành một hoạt động trong phương án QLRBV “Điều tra, lập kế hoạch khai thác và phát triển LSNG bền vững”, kế hoạch này được triển khai thực hiện sau khi phương án QLRBV được phê duyệt.





## CÂU HỎI 18

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ XÂY DỰNG NHƯ THẾ NÀO?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Căn cứ kết quả báo cáo chuyên đề khảo sát, đánh giá xác định các giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan để xác định tiềm năng phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Tuy nhiên, để lập kế hoạch phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí, cần có các dữ liệu được thu thập và đánh giá chi tiết, đầy đủ. Như vậy, có thể đề xuất xây dựng “Đề án phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí của một trong 3 loại rừng” vào phương án QLRBV để sau khi phương án được phê duyệt sẽ triển khai xây dựng đề án. Đây cũng là căn cứ để có thể thu hút nhà đầu tư hoặc liên kết phát triển dịch vụ DLST, nghỉ dưỡng. Trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án DLST thực hiện theo quy định tại Điều 14, 23 và 32 của NĐ 156 được sửa đổi, bổ sung tương ứng tại khoản 6, 10 và 16 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.



Ảnh: Phạm Hồng Lương

Đoàn khách tham quan VQG Cát Tiên



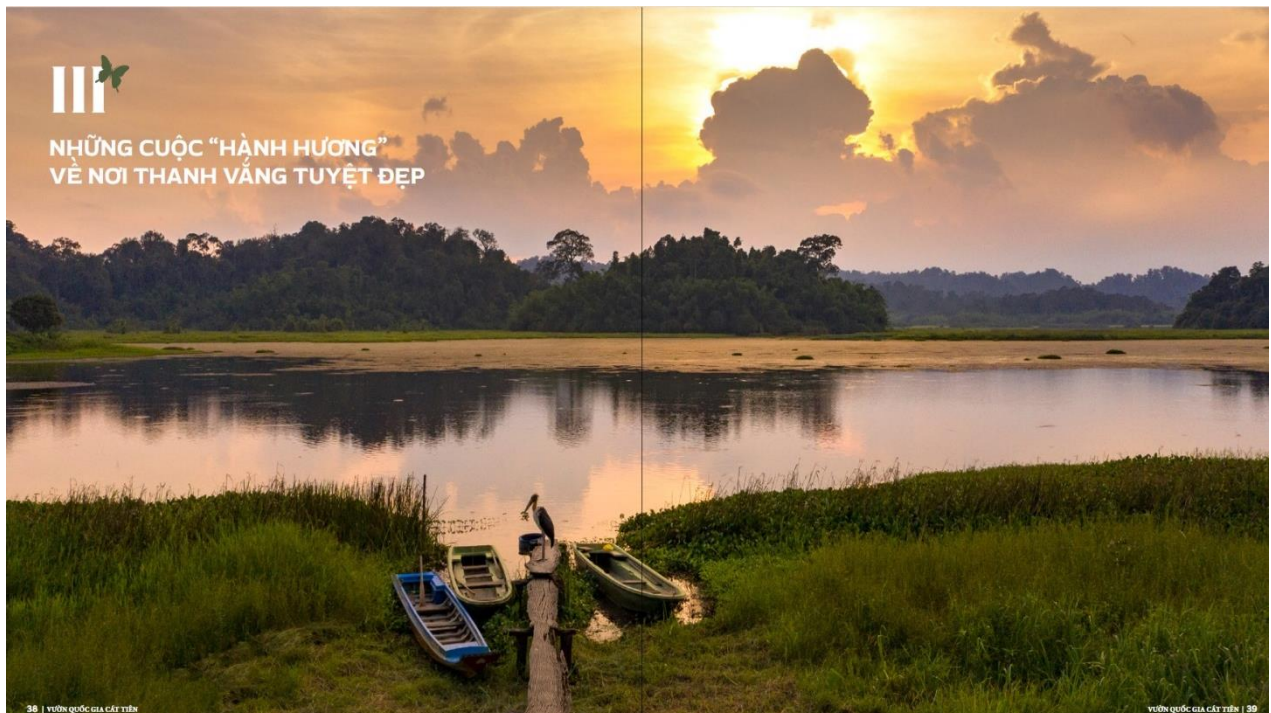
## CÂU HỎI 19

KẾ HOẠCH ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG DÂN CƯ SỐNG TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG ĐƯỢC XÂY DỰNG NHƯ THẾ NÀO?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Căn cứ kết quả báo cáo chuyên đề đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động tới môi trường và xã hội để xác định các hoạt động cần thực hiện giúp ổn định đời sống dân cư sống trong rừng, vùng đệm rừng đặc dụng và vùng giáp ranh rừng phòng hộ. Nếu cần thiết, có thể đưa nội dung này thành một chương trình/dự án đầu tư vùng đệm trong phương án QLRBV được thực hiện theo quy định tại Điều 16 của NĐ 156.



NHỮNG CUỘC “HÀNH HƯƠNG”  
VỀ NƠI THANH VÀNG TUYỆT ĐẸP

## 2.2.5. Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng phương án QLRBV

Như đã nêu, tính xã hội của rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng sản xuất rất cao, do đó việc tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng phương án QLRBV cho các loại rừng là rất quan trọng. Sự tham gia trong quá trình xây dựng phương án, bao gồm: Cung cấp thông tin, dữ liệu có liên quan, xác định các hoạt động trong phương án, lập kế hoạch cho các hoạt động và giải pháp thực hiện, thẩm định và phê duyệt phương án QLRBV. Để đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan có hiệu quả trong quá trình xây dựng phương án, cần phải xác định và phân tích vị trí vai trò của các bên liên quan, xác định mức độ tham gia và các nội dung có thể tham gia, có chiến lược thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan trong suốt quá trình xây dựng phương án QLRBV.



### CÂU HỎI 20

**XÁC ĐỊNH CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV?**



### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

*Lưu ý: Cần cân nhắc tới yếu tố bình đẳng giới trong quá trình tham gia của các bên liên quan. Các yếu tố văn hóa, tập quán, tri thức bản địa phải được xem xét và đánh giá khi lập kế hoạch quản lý rừng bền vững.*

- Các cơ quan chức năng, quản lý liên quan: Tham gia phê duyệt đề cương, dự toán; thẩm định và phê duyệt phương án QLRBV.

**Các bên liên quan và mức độ tham gia trong quan trình xây dựng phương án gồm:**

- Cộng đồng dân cư, chính quyền và người dân địa phương, tổ chức xã hội dân sự và doanh nghiệp địa phương tham gia cung cấp các thông tin, dữ liệu bằng câu hỏi, phỏng vấn; tham gia xác định mục tiêu quản lý, lập kế hoạch các hoạt động và đề xuất các giải pháp thực hiện thông qua thảo luận, hội thảo tham vấn...; tham gia giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện phương án QLRBV sau khi được phê duyệt.

- Tổ chức nghiên cứu, học thuật, tổ chức NGO và doanh nghiệp có liên quan tham gia cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu, bản đồ ở dạng sơ cấp, thứ cấp thông qua dịch vụ tư vấn, hội thảo tham vấn...; tham gia tập huấn, đào tạo, chuyển giao xây dựng phương án.



### CÂU HỎI 21

**VIỆC THAM VẤN NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN QLRBV ĐƯỢC THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO?**



### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

*Việc tham vấn các bên liên quan về nội dung phương án QLRBV là cần thiết để các bên đóng góp ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm...vv. Chủ rừng tạo cơ hội để các bên liên quan được tham gia, trao đổi. Sự tham gia của các bên vào quá trình xây dựng phương án, tạo cơ hội bày tỏ nguyện vọng của mỗi bên. Chất lượng của phương án thể hiện qua sự đồng thuận của các bên đối với các nội dung của phương án. Quá trình tham vấn cần tài liệu hoá bằng các biên bản làm việc, họp, hội thảo. Các hình thức tham vấn có thể áp dụng như sau:*

- **Tham vấn trong quá trình làm việc:** Thường được áp dụng trong quá trình làm việc với các bên, đặc biệt là cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương trong quá trình thu thập số liệu về dân sinh, kinh tế xã hội.

- **Phòng vấn:** Thường được áp dụng để thu thập các thông tin, dữ liệu và xác định các mục tiêu và hoạt động quản lý rừng. Chủ rừng xây dựng các phiếu phỏng vấn theo từng chủ đề để phỏng vấn phù hợp với các bên liên quan.

- **Tổ chức hội thảo tham vấn:** Mời các bên liên quan dự hội thảo tham vấn, đóng góp ý kiến vào nội dung phương án.

- **Gửi văn bản lấy ý kiến góp ý:** Chủ rừng có thể gửi dự thảo phương án QLRBV hoặc bản tóm tắt phương án tới các bên liên quan thông qua đường bưu điện, thư điện tử, đăng trên website cùng với mẫu phiếu trả lời. Cung cấp địa chỉ và thông tin liên lạc của nơi tiếp nhận ý kiến góp ý để các bên liên quan gửi ý kiến góp ý.

## 2.2.6. Khái toán nhu cầu vốn và nguồn vốn thực hiện phương án QLRBV

?

### CÂU HỎI 22

CĂN CỨ DỰ TOÁN NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

**a) Căn cứ dự toán nhu cầu vốn:** Phần lớn kinh phí đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư cho bảo tồn, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất là từ ngân sách nhà nước và kinh phí chi trả DVMTR. Như vậy, các căn cứ để dự toán nhu cầu vốn cần rõ ràng, còn hiệu lực. Một số căn cứ tham khảo như sau:

- Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, trong đó quy định một số chính sách về đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản.
- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;
- Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;
- Đối với dự toán các hạng mục XDCCB như: Trụ sở làm việc, nhà công vụ; nhà trưng bày, diển giải đa dạng sinh học... có thể tham khảo Quyết định số 44/QĐ-BXD ngày 14/1/2020 của Bộ Xây dựng;
- Các chương trình, dự án, các hỗ trợ quốc tế đã phê duyệt và đang triển khai.
- Các quy định, định mức của địa phương ban hành.

**b) Căn cứ xác định nguồn vốn:**

- Bảo vệ rừng: Vốn sự nghiệp từ các chính sách hiện hành, DVMTR, tín chỉ các bon rừng;
- Phát triển rừng và xây dựng cơ bản: Vốn đầu tư công từ các chính sách hiện hành, trồng rừng thay thế, ODA, hỗ trợ quốc tế...;

- Dịch vụ cộng đồng, du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng...: Vốn tự có, liên kết, hợp tác đầu tư, cho thuê môi trường rừng, tín dụng...vv.

### c) Phân kỳ đầu tư, hỗ trợ đầu tư:

Chủ rừng có thể lập chi tiết cho 5 năm đầu và phân kỳ 5 năm tiếp theo để phù hợp với các mục tiêu chính trị của địa phương trong các giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm như: giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

## 2.2.7. Một số câu hỏi khác

?

### CÂU HỎI 23

CÁC LOẠI BẢN ĐỒ TRONG PHƯƠNG ÁN QL RBV ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN QUY ĐỊNH HAY CĂN CỨ NÀO?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

*Các loại bản đồ, tỷ lệ bản đồ của phương án quản lý rừng bền vững thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 28 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13.*

**Đối với bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ phân vùng chức năng rừng:** Tỷ lệ bản đồ do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ bản đồ phù hợp với quy mô diện tích tự nhiên của khu rừng được giao quản lý theo quy định tại Mục 4.2.1 điểm 4.2 khoản 4 của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11556:2016 cụ thể như sau:

**Bảng 5: Tỷ lệ bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ phân vùng chức năng rừng**

Đơn vị thành lập bản đồ	Tỷ lệ bản đồ	Quy mô diện tích tự nhiên (ha)
Chủ rừng	1:5000	Nhỏ hơn 3.000
	1:10 000	Từ 3.000 đến 12.000
	1:25 000	Lớn hơn 12.000 đến 100.000
	1:50 000	Lớn hơn 100.000

**Đối với bản đồ hiện trạng sử dụng đất:** Tỷ lệ bản đồ cũng tùy thuộc vào quy mô diện tích và được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 16 của Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, cụ thể như sau:

**Bảng 6: Tỷ lệ bản đồ hiện trạng sử dụng đất**

Đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (ha)	Tỷ lệ bản đồ
Cấp xã	Dưới 120	1:1.000
	Từ 120 đến 500	1:2.000
	Trên 500 đến 3.000	1:5.000
	Trên 3.000	1:10.000

Đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (ha)	Tỷ lệ bản đồ
Cấp huyện	Dưới 3.000	1:5.000
	Từ 3.000 đến 12.000	1:10.000
	Trên 12.000	1:25.000
Cấp tỉnh	Dưới 100.000	1:25.000
	Từ 100.000 đến 350.000	1:50.000
	Trên 350.000	1:100.000

**Ghi chú:** Nếu diện tích của chủ rừng nằm trên địa bàn 1 xã thì áp dụng tỷ lệ bản đồ theo diện tích cấp xã; nếu trên địa bàn 2 xã trở lên trong cùng 1 huyện thì áp dụng tỷ lệ bản đồ theo diện tích cấp huyện, nếu trên địa bàn 2 huyện trở lên thì áp dụng tỷ lệ bản đồ theo diện tích cấp tỉnh.



## CÂU HỎI 24

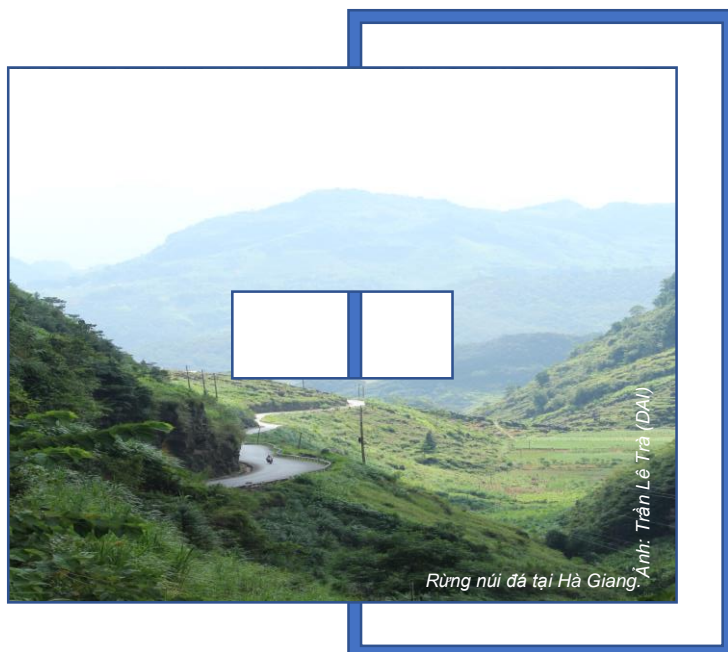
KHI NÀO CHỦ RỪNG PHẢI ĐIỀU CHỈNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN QLRBV VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QLRBV SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐƯỢC THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO?

## A TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

Việc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 28 được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư 13 khi:

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh diện tích rừng, đất lâm nghiệp có ảnh hưởng lớn đến mục đích sử dụng của khu rừng;
- Chủ rừng có nhu cầu điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững để phù hợp với yêu cầu quản lý, sản xuất, kinh doanh thì chủ rừng trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với những nội dung phải điều chỉnh.

Trình tự, thủ tục điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng thực hiện tương ứng theo quy định được hướng dẫn như tại mục 1.2 nêu trên.







## CÂU HỎI 25

VIỆC HÌNH THÀNH NHÓM HỘ  
QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG  
ĐỂ CẤP CHỨNG CHỈ ĐƯỢC THỰC  
HIỆN NHƯ THẾ NÀO?

A

### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

- *Xác định cấu trúc, quy mô nhóm phù hợp*
- *Chủ thể của Nhóm*
- *Ban quản lý Nhóm cấp cơ sở*
- *Thành viên Nhóm*
- *Thành lập Nhóm hộ*

Việc hình thành nhóm hộ quản lý rừng bền vững để cấp chứng chỉ rừng của các chủ rừng nhỏ (hộ gia đình, cá nhân) phải thống nhất, đồng thuận xây dựng được Ban quản lý nhóm và phân công trách nhiệm quản lý trong tổ chức nhóm, cụ thể như sau:



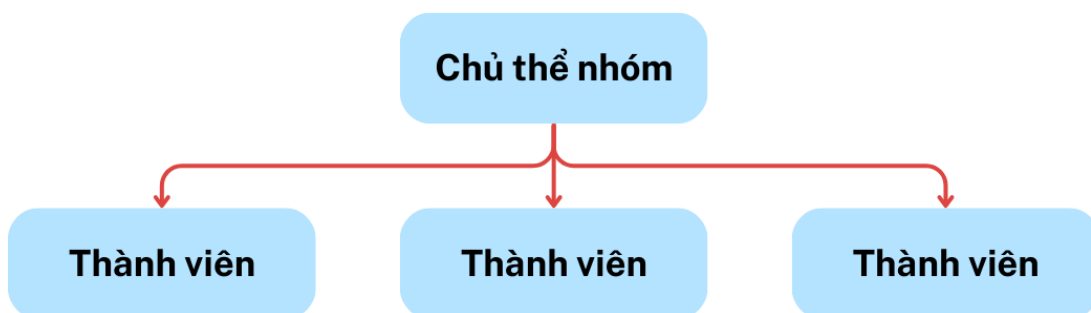
Họp nhóm hộ gia đình trong thực hiện phương án QLRBV (Ảnh: SNRM2)

#### a) Xác định cấu trúc, quy mô nhóm phù hợp

Việc hình thành tổ chức nhóm liên kết giữa các chủ rừng nhỏ tại địa phương để thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng là đòi hỏi, yêu cầu tất yếu của thị trường, phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh rừng. Các chủ rừng nhỏ căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và các nguồn lực cần thiết để xác định cấu trúc nhóm hợp lý, tinh gọn, dễ quản lý bảo đảm quy mô diện tích rừng trồng sản xuất phù hợp, hiệu quả so với kinh phí chi trả cho việc xây dựng phương án QLRVB và đánh giá cấp chứng chỉ rừng.

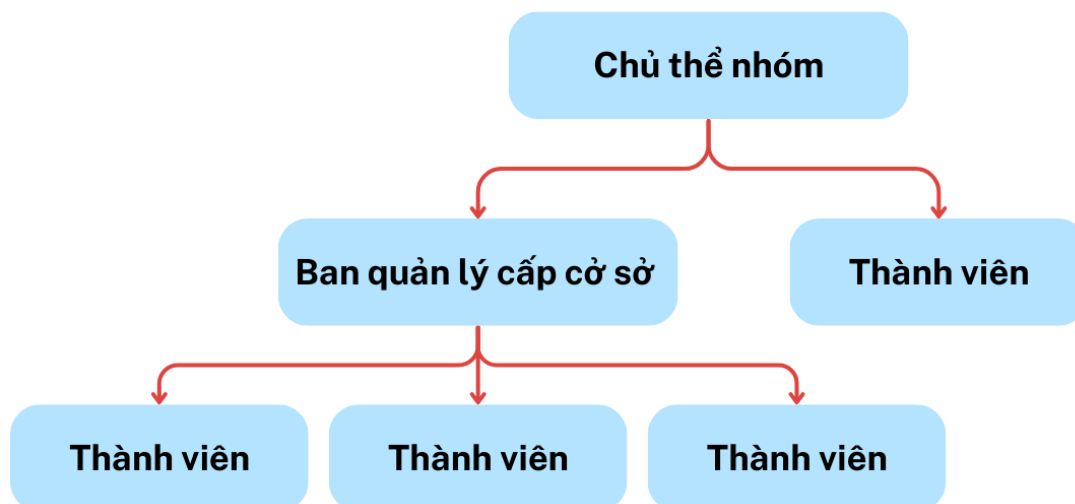
Cấu trúc cơ bản của Nhóm hộ để thực hiện QLRBV và CCR gồm hai thành phần chính là Chủ thể nhóm và các Thành viên nhóm (**Sơ đồ 7**)

Sơ đồ 7: Cấu trúc, quy mô nhóm cơ bản

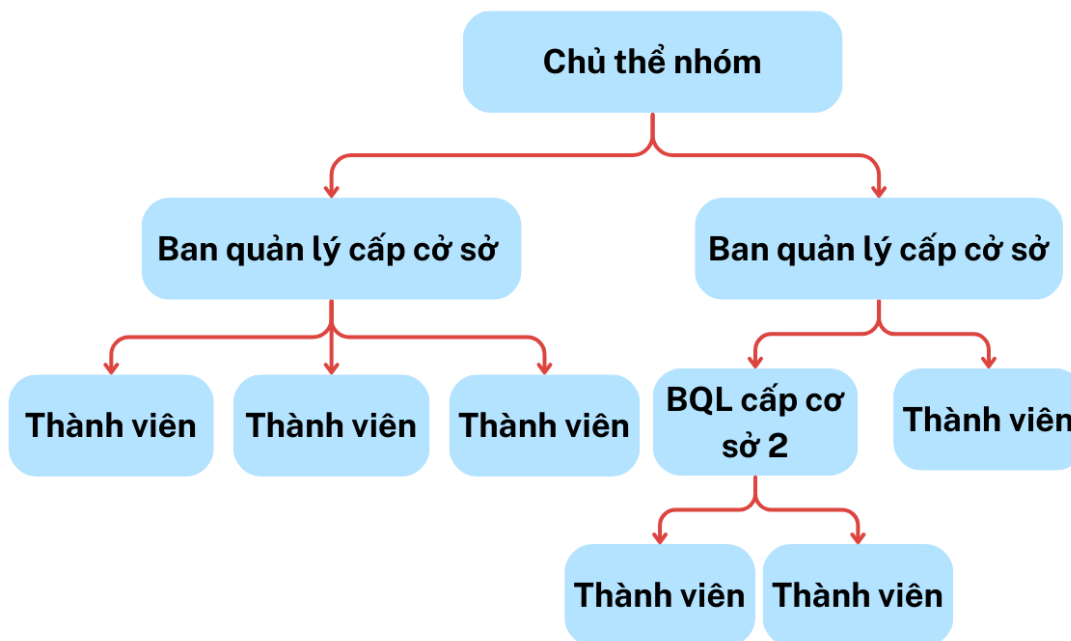


Tuy nhiên, trong thực tế, dựa vào thực trạng, quy mô của nhóm để phân cấp quản lý thành các cấp quản lý trung gian (cấp quản lý cơ sở) để chia sẻ trách nhiệm quản lý, đồng thời tăng hiệu quả của hệ thống quản lý nhóm. Cấu trúc nhóm vì thế có thể được thay đổi cho phù hợp như thể hiện trong **Sơ đồ 8** và **Sơ đồ 9** dưới đây:

Sơ đồ 8: Cấu trúc nhóm hỗn hợp quy mô vừa



Sơ đồ 9: Cấu trúc nhóm hỗn hợp quy mô lớn



### **b) Chủ thể của Nhóm**

Theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn VFCS-ST-1004:2019, chủ thể nhóm phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có tư cách pháp nhân: là một chủ thể hợp pháp, độc lập và có khả năng ký kết các hợp đồng, thỏa thuận với tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ.
- Có khả năng về tài chính, nhân lực để quản lý nhóm hiệu quả (cán bộ quản lý, văn phòng, nơi lưu trữ tài liệu, vv).

Ngoài yêu cầu là thực thể pháp lý, chủ thể Nhóm lựa chọn cần xem xét đến tính bền vững và hiệu quả trong quá trình vận hành.

Dựa trên các yêu cầu về chủ thể nhóm, các quy định pháp lý hiện hành và các mô hình trong thực tiễn tại Việt Nam thì chủ thể nhóm có thể là hội chủ rừng, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, liên minh hợp tác xã hoặc công ty (doanh nghiệp).

### **c) Ban quản lý Nhóm cấp cơ sở**

Là cấp quản lý trung gian được thành lập ra để chia sẻ trách nhiệm quản lý nhóm. Các hình thức cấp quản lý trung gian hiện đang được áp dụng bao gồm Tổ hợp tác, chi hội hoặc ban đại diện thôn, bản,...vv.

### **d) Thành viên Nhóm**

Là cá nhân, hộ gia đình có quyền sử dụng rừng và đất rừng hợp pháp hoặc không có tranh chấp. Thành viên nhóm tham gia tự nguyện và có khả năng đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí, chỉ số của Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC hoặc FSC.

### **đ) Thành lập Nhóm hộ**

Các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương tự thành lập nhóm hộ QLRBV để cùng quản lý rừng, chăm sóc rừng trong phạm vi của mình. Nhóm hộ QLRBV được thành lập là nhóm hộ có chung một lợi ích khi trồng rừng và sử dụng rừng.

Trong bối cảnh các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ có nhu cầu cao về nguồn gỗ có chứng chỉ rừng, để chủ động trong việc tìm kiếm nguồn cung cấp gỗ, các doanh nghiệp hình thành mối liên kết giữa doanh nghiệp với người dân, hoặc thông qua mô hình liên kết 3 nhà: Nhà nước, doanh nghiệp và người dân hoặc mô hình liên kết 4 nhà với nhà khoa học đóng vai trò tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật. Đây là mô hình liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm cần được quan tâm, phát triển ở những nơi có điều kiện cho phép.

Theo mô hình này, doanh nghiệp (công ty lâm nghiệp, công ty chế biến lâm sản,...) là chủ thể nhóm, trực tiếp giữ chứng chỉ rừng nhưng không trực tiếp quản lý rừng. Thông qua hợp đồng với các hộ gia đình, doanh nghiệp có thể có quyền ưu tiên mua gỗ có chứng chỉ của các hộ gia đình. Đổi lại, công ty hỗ trợ người dân trong việc thực hiện chứng chỉ rừng theo nhóm (cung cấp kinh phí, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp các khoản vay lãi suất thấp ...vv).



## CÂU HỎI 26

LÀM THẾ NÀO ĐỂ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC QLRBV: “CHỦ RỪNG VÀ NHÀ THẦU ĐẢM BẢO QUYỀN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG”?



### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

#### 1. Cơ hội việc làm và lương thưởng công bằng, bình đẳng giữa nam và nữ và người khuyết tật:

- Tạo cơ hội việc làm bình đẳng cho lao động nam và nữ sinh sống tại địa phương, đồng thời đảm bảo quyền, điều kiện của người lao động tham gia vào các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn;

- Có chế độ lương, thưởng bình đẳng cho lao động nam và lao động nữ ở vị trí như nhau và phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của pháp luật Việt Nam.

#### 2. Môi trường làm việc an toàn:

- Tạo điều kiện làm việc an toàn:

o Với các hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên: trang bị các dụng cụ lao động và bảo hộ cần thiết, mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động có tính đến nhu cầu của các nhóm nam và nữ;

o Với các trường hợp lao động thời vụ: hỗ trợ viện phí và thuốc thang cho người lao động khi có rủi ro; đảm bảo có đầy đủ thiết bị và bảo hộ lao động trong khi làm việc;

- Tạo môi trường thuận lợi cho phụ nữ, nam giới và người khuyết tật làm việc hiệu quả, bình đẳng và an toàn, không bị phân biệt đối xử.



## CÂU HỎI 27

LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHỐI HỢP VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (UBND, KIỂM LÂM, HỘI PHỤ NỮ XÃ/HUYỆN) TRONG QLRBV?



### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

#### 1. Khuyến khích sự tham gia và có tính đến nhu cầu của phụ nữ:

- Ưu tiên sự tham gia của phụ nữ, đặc biệt trong các mô hình hợp tác với hộ trồng rừng nơi mà sự tham gia của nữ giới thường rất hạn chế;

- Khuyến khích cả vợ và chồng tham gia vào các nhóm. Đối với các hoạt động đầu tư cùng với đối tác kinh doanh, phải có được sự ủng hộ và đồng ý của cả hai vợ chồng khi sử dụng các nguồn lực gia đình (đất, tài sản, vốn);

- Xem xét thỏa đáng các yêu cầu khác nhau của phụ nữ mang thai và có con nhỏ (như công việc và thời gian làm việc phù hợp, tránh các công việc làm ảnh hưởng tới sức khỏe của bà mẹ và trẻ em).

**2. Khuyến khích phụ nữ vào vị trí lãnh đạo:** Các tiêu chí lựa chọn trưởng nhóm cần khuyến khích phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ người dân tộc thiểu số, đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo nhóm.

#### 3. Qui trình ra quyết định minh bạch và dễ tiếp cận:

- Các quyết định trong nội bộ các hộ trồng rừng hoặc giữa các hộ trồng rừng với các chủ rừng, nhà thầu và các bên liên quan khác phải mang tính tập thể, bình đẳng, minh bạch, với sự tham gia của các đại diện phù hợp và được tài liệu hóa đầy đủ;

- Tạo điều kiện cho tất cả mọi người, đặc biệt là người dân tộc thiểu số không nói được tiếng Kinh tiếp cận được đầy đủ thông tin trong quá trình ra quyết định.

#### 4. Các bên được tăng cường năng lực thực hiện quản lý rừng bền vững:

- Tích cực và chủ động chia sẻ, tập huấn, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm và thông tin cập nhật liên quan đến quản lý rừng bền vững;

- Xây dựng, mở rộng mạng lưới chia sẻ thông tin liên quan đến quản lý rừng bền vững giữa các bên.



## CÂU HỎI 28

DỰ ÁN HỖ TRỢ KINH PHÍ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QL RBV CẤP  
TỈNH/THÀNH PHỐ ĐƯỢC XÂY DỰNG NHƯ THẾ NÀO?



### TRẢ LỜI VÀ HƯỚNG DẪN

*Dự án Hỗ trợ xây dựng phương án QL RBV được xây dựng gồm các nội dung chính như sau:*

- 1. Thông tin chung dự án*
- 2. Căn cứ đề xuất dự án*
- 3. Hiện trạng rừng và kết quả xây dựng phương án QL RBV và cấp chứng chỉ rừng*
- 4. Mục tiêu, thời gian, nội dung và phương pháp*
- 5. Hệ thống biểu mẫu kèm theo*

### THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án Quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng giai đoạn ..... tỉnh/thành phố.....
2. Thời gian thực hiện: .....năm (từ năm .....-.....)
3. Đối tượng hỗ trợ: Chủ rừng là tổ chức/người đại diện (chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư) có diện tích rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ rừng VFCS/PEFC hoặc FSC (trừ diện tích rừng của chủ rừng có vốn đầu tư nước ngoài).
4. Kinh phí thực hiện và nguồn vốn:
  - Tổng kinh phí thực hiện: .....đồng (Bằng chữ: .....);
  - Nguồn vốn thực hiện: .....(do các địa phương xác định).
5. Chủ dự án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố....

### PHẦN I. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

#### 1. Căn cứ pháp lý:

Nêu căn cứ pháp lý, cơ chế, chính sách liên quan đến đề xuất Dự án thực hiện tại địa phương (Nghị định 58/2024/NĐ-CP; Thông tư 22/2024/TT-BNNPTNT ....vv, Quyết định...vv).

#### 2. Tính cấp thiết của dự án

Nêu sự cần thiết phải đề xuất xây dựng dự án tại địa phương.

## **PHẦN II. HIỆN TRẠNG RỪNG, ĐẤT QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP VÀ KẾT QUẢ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG, CẤP CHỨNG CHỈ RỪNG**

### **1. Diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo 3 loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất)**

- Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp:....., trong đó:
- + Đất rừng đặc dụng:.....ha (đất có rừng:.....ha; đất chưa có rừng:.....ha);
- + Đất rừng phòng hộ:.....ha (đất có rừng:.....ha; đất chưa có rừng:.....ha);
- + Đất rừng sản xuất:.....ha (đất có rừng:.....ha; đất chưa có rừng:.....ha).

Nhận xét, đánh giá về diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp tại địa phương.

### **2. Hiện trạng rừng (theo số liệu theo dõi diễn biến tài nguyên rừng của năm gần nhất đến thời điểm đề xuất dự án)**

- Tổng diện tích rừng:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha), trong đó:
- + Rừng đặc dụng:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha)
- + Đất rừng phòng hộ:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha)
- + Đất rừng sản xuất:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha),

*(Chi tiết diện tích các loại rừng theo mục đích sử dụng tại Biểu 01 kèm theo)*

- Tổng diện tích rừng phân theo chủ quản lý: .....ha, trong đó:
- + Ban quản lý rừng đặc dụng:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha);
- + Ban quản lý rừng phòng hộ:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha);
- + Tổ chức kinh tế:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha);
- + Lực lượng vũ trang:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha);
- + Tổ chức KH&CN, ĐT, GD:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha);
- + Hộ gia đình, cá nhân trong nước:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha);
- + Cộng đồng dân cư:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha);
- + Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha);
- + UBND xã:.....ha (rừng tự nhiên:.....ha; rừng trồng:.....ha).

*(Chi tiết Tổng diện tích rừng phân theo chủ quản lý tại Biểu số 02 kèm theo)*

**Nhận xét, đánh giá:** Hiện trạng rừng tại địa phương.

### **3. Kết quả xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng**

### **3.1. Kết quả xây dựng, phê duyệt, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững**

a) Tổng số chủ rừng là tổ chức trên địa bàn tỉnh ..... với tổng diện tích:..... ha, gồm:

- Tổng số chủ rừng là các tổ chức quản lý rừng đặc dụng....., diện tích.....ha (rừng tự nhiên.....ha; rừng trồng.....ha);

- Tổng số chủ rừng là các tổ chức quản lý rừng phòng hộ....., diện tích.....ha (rừng tự nhiên.....ha; rừng trồng.....ha);

- Tổng số chủ rừng là tổ chức quản lý rừng sản xuất ....., diện tích.....ha (rừng tự nhiên.....ha; rừng trồng.....ha).

b) Về xây dựng, phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững

- Số chủ rừng đã xây dựng, phê duyệt phương án: ..... với diện tích....ha, bao gồm:

+ Tổng số chủ rừng là các tổ chức quản lý rừng đặc dụng....., diện tích.....ha (rừng tự nhiên.....ha; rừng trồng.....ha);

+ Tổng số chủ rừng là các tổ chức quản lý rừng phòng hộ....., diện tích.....ha (rừng tự nhiên.....ha; rừng trồng.....ha);

+ Tổng số chủ rừng là tổ chức quản lý rừng sản xuất ....., diện tích.....ha (rừng tự nhiên.....ha; rừng trồng.....ha)

- Số chủ rừng chưa xây dựng phương án: ..... với diện tích....ha

+ Tổng số chủ rừng là các tổ chức quản lý rừng đặc dụng....., diện tích.....ha (rừng tự nhiên.....ha; rừng trồng.....ha);

+ Tổng số chủ rừng là các tổ chức quản lý rừng phòng hộ....., diện tích.....ha (rừng tự nhiên.....ha; rừng trồng.....ha);

+ Tổng số chủ rừng là tổ chức quản lý rừng sản xuất ....., diện tích.....ha (rừng tự nhiên.....ha; rừng trồng.....ha).

*(Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo)*

**Nhận xét, đánh giá:** Kết quả xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện phương án QLRBV.

### **3.2. Kết quả cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững**

a) Tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ: ....ha (rừng trồng.....ha, rừng cao su: .....ha, rừng tự nhiên ... ha, ....vv), cụ thể:

+ Chủ rừng là tổ chức.....; diện tích:..... ha, trong đó rừng trồng.....ha, rừng cao su: .....ha, rừng tự nhiên ... ha, rừng tre nứa.... ha; ....vv.

+ Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng (nhóm hộ):..... hộ; diện tích:..... ha, trong đó rừng trồng.....ha, rừng cao su: .....ha, rừng tự nhiên ... ha, rừng tre nứa.... ha; ....vv.

b) Loại chứng chỉ rừng được cấp:

- Chứng chỉ FSC .....ha (rừng trồng.....ha, rừng cao su: .....ha, rừng tự nhiên ... ha, rừng tre nứa.....ha;.....vv);

- Chứng chỉ VFCS/PEFC..... ha (rừng trồng.....ha, rừng cao su: .....ha, rừng tự nhiên ... ha, rừng tre nứa ha; ....vv)

*(Chi tiết diện tích rừng được cấp chứng chỉ tại Biểu 04 kèm theo)*

**Nhận xét, đánh giá:** Kết quả cấp chứng chỉ rừng, thuận lợi, khó khăn, tiềm năng cấp CCR trong thời gian tới.

### **PHẦN III. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN**

#### **I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung:** Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng cho các chủ rừng/người đại diện nhóm hộ (chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư) theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

#### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Xác định quy mô diện tích rừng trồng sản xuất được hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng.....ha;

- Xác định quy mô diện tích rừng trồng sản xuất của chủ rừng là tổ chức được hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng.....ha;

- Xác định quy mô diện tích rừng trồng sản xuất của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Nhóm hộ) được hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng.....ha.

**II. THỜI GIAN THỰC HIỆN:** .... năm, từ năm 20.....đến năm 20.....

#### **III. NỘI DUNG, KINH PHÍ, TIẾN ĐỘ, GIẢI PHÁP VÀ HIỆU QUẢ DỰ ÁN**

##### **1. Nội dung**

**1.1. Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án QLRBV và cấp chứng chỉ rừng cho chủ rừng là tổ chức**

- Tổng số chủ rừng là tổ chức:

- Tổng diện tích rừng được hỗ trợ xây dựng phương án QLRBV và cấp chứng chỉ rừng: ....ha.



**1.2. Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án QLRBV và cấp chứng chỉ rừng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (người đại diện nhóm hộ)**

- Tổng số nhóm hộ (theo từng xã của từng huyện):
- Tổng diện tích rừng được hỗ trợ xây dựng phương án QLRBV và cấp chứng chỉ rừng: ....ha.

*(Chi tiết tại Biểu 05 kèm theo)*

**2. Kinh phí, nguồn kinh phí hỗ trợ**

- a) Tổng kinh phí hỗ trợ: .....tỷ đồng, trong đó:
- Hỗ trợ chủ rừng là tổ chức: ..... tỷ đồng;
  - Hỗ trợ nhóm hộ: .....tỷ đồng;
  - Hỗ trợ kinh phí quản lý dự án:.....tỷ đồng (Chi phí xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện dự án....vv thực hiện theo quy định tài chính hiện hành và thực tiễn tại địa phương).

*(Chi tiết tại Biểu 05 kèm theo)*

- b) Nguồn kinh phí: do các địa phương xác định.

**3. Tiến độ thực hiện**

Kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án: *(Chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo)*.

**4. Giải pháp thực hiện**

**5. Tổ chức thực hiện**

**6. Hiệu quả dự án**

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **Biểu 01. Diện tích các loại rừng theo mục đích sử dụng**

*(Ban hành kèm theo Dự án hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cấp chứng chỉ rừng giai đoạn ..... tỉnh/thành phố.....)*

*Đơn vị tính: ha*

<b>TT</b>	<b>Phân loại rừng</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Đặc dụng</b>	<b>Phòng hộ</b>	<b>Sản xuất</b>
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH CÓ RỪNG</b>				
<b>I</b>	<b>RỪNG THEO NGUỒN GỐC</b>				
1	Rừng tự nhiên				
2	Rừng trồng				
<b>II</b>	<b>RỪNG THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA</b>				
1	Rừng trên núi đất				
2	Rừng trên núi đá				
3	Rừng trên đất ngập nước				
4	Rừng trên cát				
<b>III</b>	<b>RỪNG TỰ NHIÊN THEO LOÀI CÂY</b>				
1	Rừng gỗ				
2	Rừng tre nứa				
3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa				
4	Rừng cau dừa				

**Biểu số 02. Diện tích rừng theo chủ quản lý**

*(Ban hành kèm theo Dự án hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cấp chứng chỉ rừng giai đoạn ..... tỉnh/thành phố.....)*

*Đơn vị tính: ha*

TT	Phân loại rừng	Tổng	Ban quản lý rừng đặc dụng	Ban quản lý rừng phòng hộ	Tổ chức kinh tế	Lực lượng vũ trang	Tổ chức KH&CN, ĐT, GD	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Cộng đồng dân cư	Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	UBND xã
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH CÓ RỪNG</b>										
<b>I</b>	<b>RỪNG THEO NGUỒN GỐC</b>										
1	Rừng tự nhiên										
2	Rừng trồng										
<b>II</b>	<b>RỪNG THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA</b>										
1	Rừng trên núi đất										
2	Rừng trên núi đá										
3	Rừng trên đất ngập nước										
4	Rừng trên cát										
<b>III</b>	<b>RỪNG TỰ NHIÊN THEO LOÀI CÂY</b>										
1	Rừng gỗ										
2	Rừng tre nứa										
3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa										
4	Rừng cau dứa										

**Biểu 03. Tổng hợp kết quả xây dựng, thực hiện Phương án QLRBV đến ngày.../...../20....**

*(Ban hành kèm theo Dự án hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cấp chứng chỉ rừng giai đoạn ..... tỉnh/thành phố.....)*

*Đơn vị tính: ha*

T T	Tên chủ rừng (là tổ chức)	Tổng diện tích	Loại rừng (ha)			Xây dựng phương án QLRBV			Ghi chú
			Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Đã phê duyệt PA (năm phê duyệt)	Đang xây dựng PA (lý do chưa phê duyệt)	Chưa xây dựng (lý do chưa xây dựng)	
1									
2									
3									
4									
5									
...									
	<b>Tổng cộng</b>								

**Biểu 4. Tổng hợp kết quả cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đến ngày  
...../...../20.....**

*(Ban hành kèm theo Dự án hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cấp chứng chỉ rừng giai đoạn ..... tỉnh/thành phố.....)*

T T	Tên chủ rừng (tổ chức, nhóm hộ)	Diện tích rừng được cấp chứng chỉ (ha)			Loài cây	Loại chứng chỉ (ha)		Năm khai thác rừng (dự kiến)
		Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng		FSC	VFCS/PE FC	
I	Chủ rừng là tổ chức							
1								
2								
3								
4								
...								
I I	Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (Nhóm hộ)							
1								
2								
3								
4								
...								
<b>Tổng cộng:</b>								

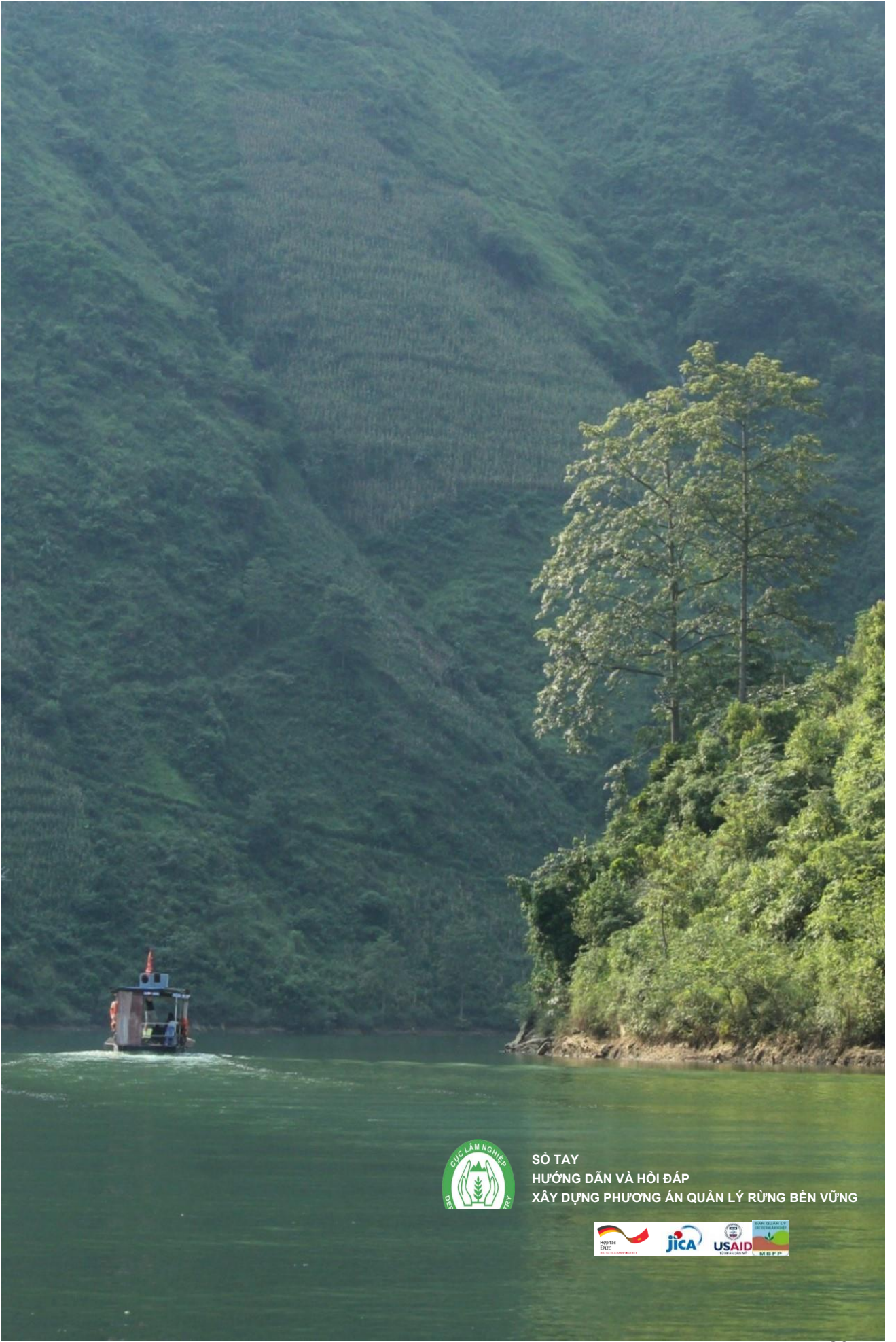
**Biểu 5. Tổng hợp diện tích, kinh phí, tiến độ thực hiện hỗ trợ xây dựng phương án QLRBV và cấp CCR**

*(Ban hành kèm theo Dự án hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án QLRBV và cấp CCR giai đoạn ..... tỉnh.....)*

T T	Tên chủ rừng (tổ chức, nhóm hộ)	Quy mô diện tích, kinh phí hỗ trợ		Kế hoạch, tiến độ hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án QLRBV và cấp chứng chỉ rừng									
		Diện tích (ha)	Kinh phí (triệu đồng)	Năm.....		Năm.....		Năm.....		Năm.....			
				Diện tích (ha)	Kinh phí (triệu đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (triệu đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (triệu đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (triệu đồng)		
<b>I</b>	<b>Chủ rừng là tổ chức</b>												
1													
<b>I</b>	<b>Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (Nhóm hộ)</b>												
1	Huyện/thị .....												
a)	Nhóm hộ xã.....												
...													
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý (theo quy định tài chính hiện hành và thực tiễn tại địa phương)</b>												
1	Xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án												
2	Quản lý, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện dự án												
...	.....												
<b>Tổng cộng:</b>													

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 25/11/2017.
2. Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 11/8/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
3. Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.
4. Quyết định số 523/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
5. Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững; Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp (Điều 3).
6. Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định một số nội dung về lâm nghiệp thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.
7. Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng.
8. Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng.
9. Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT.
10. Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp.
11. Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
12. Cục Lâm nghiệp, 2023. Tài liệu tập huấn hướng dẫn thực hiện quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng (áp dụng cho cán bộ lâm nghiệp);
13. Cục Lâm nghiệp, 2023. Tài liệu tập huấn hướng dẫn quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (áp dụng cho chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, nhóm hộ);
14. Cục Lâm nghiệp, 2023. Tài liệu tập huấn hướng dẫn thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (áp dụng cho cán bộ giảng dạy).
15. JICA, 2021. Hướng dẫn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững. Dự án tăng cường năng lực quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2).
16. GIZ, 2021. Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án QLRBV áp dụng đối với rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
17. GIZ, 2023. Một số mô hình quản lý rừng bền vững tiêu biểu tại Việt Nam.



SỎ TAY  
HƯỚNG DẪN VÀ HỎI ĐÁP  
XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

